

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2021

LAWACO CHẤT LƯỢNG NƯỚC VÌ CUỘC SỐNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
50 đường Hùng Vương, phường 9, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Điện thoại: (026) 3382 2240 - 2457
Website: www.lawaco.com



MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Sơ đồ tổ chức
Định hướng phát triển
Các rủi ro

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình thực hiện dự án
Tình hình tài chính
Tình hình cổ đông
Báo cáo phát triển bền vững

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến trong năm
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Báo cáo trách nhiệm môi trường xã hội

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về hoạt động của ban Tổng Giám đốc
Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và lợi ích
Các hợp đồng, giao dịch nội bộ

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán viên
Báo cáo tài chính

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG



- 01. Thông tin khái quát**
- 02. Quá trình hình thành và phát triển**
- 03. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**
- 04. Sơ đồ tổ chức**
- 05. Định hướng phát triển**
- 06. Các rủi ro**



THÔNG TIN CHUNG



Tên Công ty:	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng
Tên Tiếng Anh	Lam Dong Water Supply And Sewerage Joint Stock Company
Tên viết tắt	LAWACO
Mã cổ phiếu	LDW
Vốn điều lệ	788.000.000.000 đồng
Trụ sở chính	Số 50 đường Hùng Vương, phường 9, Tp. Đà Lạt, Lâm Đồng
Điện thoại	(84.26) 3382 2240 - (84.26) 3382 2457
Fax	(84.26): 3382 4050
Email	lawaco@lawaco.com
Website	www.lawaco.com
Giấy chứng nhận ĐKDN	Số 5800000174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 11/11/2005, thay đổi lần thứ 10 ngày 17/09/2020.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1918 - 1938

Chính quyền Pháp cho xây dựng Nhà máy nước số 1 (Nhà máy Hồ Than Thở). Nhà máy Hồ Than Thở được sửa chữa lần 1 vào năm 1927 và nâng cấp vào năm 1938 với công suất 2.700m³/ngày đêm.

1949

Xây dựng Nhà máy nước số 2 (Nhà máy Hồ Xuân Hương). Công suất 2.700m³/ngày đêm.

1970

Sản xuất nước tại TP. Đà Lạt với tên gọi là Công quản nước Đà Lạt. Sản lượng nước sản xuất bình quân 5.400 m³/ngày đêm.

1971

Đổi tên thành Công ty Cấp thủy Đà Lạt, sau đổi lại thành Trung tâm Cấp thủy Đà Lạt. Thành lập Trung tâm Cấp thủy Bảo Lộc và Trung tâm Cấp thủy Di Linh.

1975

Trung tâm Cấp thủy Đà Lạt được Ban Quân quản TP. Đà Lạt tiếp quản, điều hành.

1976

Các Trung tâm Cấp thủy được đổi tên thành Nhà máy nước Đà Lạt, Nhà máy nước Bảo Lộc và Nhà máy nước Di Linh trực thuộc Công ty Xây dựng Cấp thoát nước số 2.

1978

Xây dựng trạm bơm Hồ Chiến Thắng để bổ sung nguồn nước cho Nhà máy xử lý nước Hồ Xuân Hương.

1979

Bàn giao lại Công ty Xây dựng Cấp thoát nước số 2 cho Công ty Quản lý công trình công cộng tỉnh quản lý.

1982

Nhà máy trực thuộc Công ty Xây dựng Lâm Đồng.

1984

Ngày 08/05/1984 UBND tỉnh Lâm Đồng ký ban hành Quyết định số 313/QĐ/UB về thành lập và quy định chức năng nhiệm vụ của Nhà máy Cấp nước Đà Lạt và bổ nhiệm chính thức Ban Giám đốc nhà máy. UBND tỉnh giao Nhà máy Cấp nước Đà Lạt. quản lý, vận hành Nhà máy xử lý nước Đan Kia Suối Vàng.

1985

Nhà máy xử lý nước Đan Kia Suối Vàng chính thức hoạt động, cung cấp nước cho 4.000 hộ khách hàng với công suất 8.000 m³/ngày đêm.

1991

UBND tỉnh Lâm Đồng ký ban hành Quyết định số 131/QĐ-UB về việc thành lập Công ty Cấp thoát nước Lâm Đồng. Công ty tiếp nhận các đơn vị khác trong tỉnh là Nhà máy nước Bảo Lộc, Nhà máy nước Di Linh, Nhà máy nước Đức Trọng.

1998

Với sự tài trợ của Chính phủ Đan Mạch, Thành phố Đà Lạt đã triển khai dự án cải tạo hệ thống cấp nước: thay toàn bộ bơm nước sạch của trạm bơm cấp II nhà máy xử lý nước Đan Kia Suối Vàng, nâng cấp Nhà máy nước Hồ Xuân Hương đạt công suất 6.000 m³/ngày đêm, thay mới và mở rộng mạng lưới chuyển tải đến các bể chứa.

2000

Xây dựng hoàn thành Nhà máy nước Lâm Hà, công suất 1.400 m³/ngày đêm.

2002 - 2004

Năm 2002, Công ty xây dựng Vườn sinh thái Thung Lũng Vàng và đi vào hoạt động từ năm 2004.

2005

UBND tỉnh Lâm Đồng ký ban hành Quyết định số 2873/QĐ-UBND chuyển Doanh nghiệp nhà nước Công ty Cấp thoát nước Lâm Đồng thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.

2008

Nhà máy nước Di Linh cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh và là công ty con của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng

Nhà máy nước Bảo Lộc cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc và là công ty con của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Nhà máy nước Đà Lạt thành lập, hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển khách hàng trên địa bàn TP. Đà Lạt và huyện Lạc Dương.

2009

Nhà máy nước Đà Lạt được tách thành 2 đơn vị là Nhà máy nước Đà Lạt (sản xuất nước) và Phòng Kinh doanh (sau đổi tên thành XN Cấp nước Đà Lạt) - kinh doanh nước máy, quản lý và phát triển khách hàng trên địa bàn TP. Đà Lạt và huyện Lạc Dương.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

(TIẾP THEO)

2010

- Xí nghiệp Tư vấn thiết kế cổ phần hóa thành Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế Cấp thoát nước và là công ty liên kết của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- Nhà máy nước Đức Trọng cổ phần hóa thành Công ty Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng và là công ty liên kết của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.

2011

Vườn sinh thái Thung Lũng Vàng chuyển thành Công ty cổ phần dịch vụ Du lịch Thung Lũng Vàng Đà Lạt và là công ty liên kết của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.

2012

- Thành lập đội quản lý lòng hồ Đan Kia.
- Thành lập Nhà máy nước Đạ Huoai, có chức năng quản lý và khai thác hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Đam'Ri.
- Thành lập Nhà máy nước Đam Rông, có chức năng quản lý và khai thác hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Bằng Lãng.
- Bàn giao Nhà máy xử lý nước Nam Ban cho Nhà máy nước Lâm Hà quản lý và khai thác.

2015

Nhà máy nước Hồ Xuân Hương ngừng hoạt động vì thuộc khu vực giải tỏa thực hiện công viên đô thị Gold Valley.

2016

- Thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Dịch vụ du lịch Thung Lũng Vàng Đà Lạt, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- Chuyển giao phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và xây dựng Bảo Lộc về cho Thành phố Bảo Lộc.

2020- 2021

Tái cấu trúc bộ máy của Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

2019

UBND tỉnh Lâm Đồng chuyển giao quyền đại diện sở hữu Nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.

2018

Chính thức trở thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng với vốn điều lệ 788 tỷ đồng.

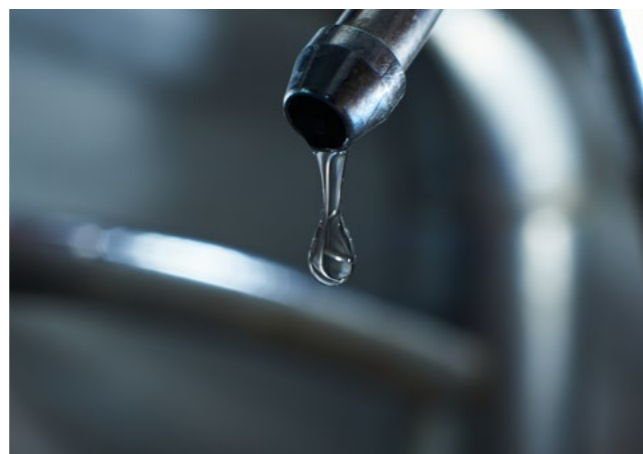
2017

UBND tỉnh Lâm Đồng ký ban hành Quyết định số 774/QĐ-UBND thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.



Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp.
- Tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công trình cấp thoát nước.
- Giám sát thi công công trình xây dựng. Giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi.
- Lập dự án đầu tư xây dựng công trình, thẩm tra dự án đầu tư.



- Thiết kế dự toán xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và điều hòa không khí;
- Thi công xây dựng công trình: Cấp thoát nước, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng, vườn sinh thái;
- Quy hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước;



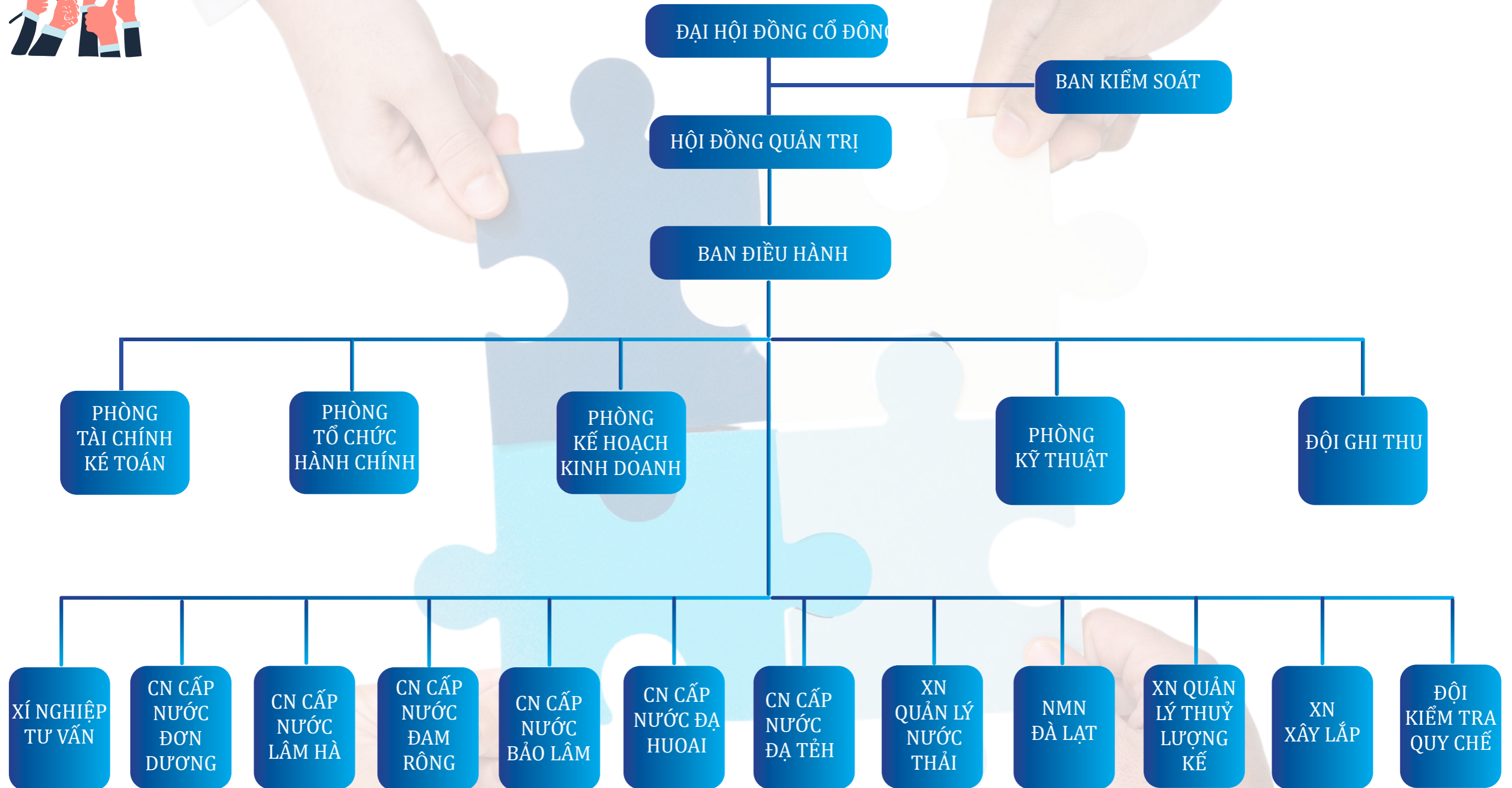
- Đánh giá tác động môi trường.
- Tư vấn lập quy hoạch, xây dựng hệ thống cấp thoát nước, tư vấn lập hồ sơ mời thầu, xét thầu, tư vấn quản lý dự án.
- Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường.

Địa bàn kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp nước sạch cho thành phố Đà Lạt và các đô thị trung tâm các huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (ngoại trừ thành phố Bảo Lộc, huyện Di Linh và thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng). Bên cạnh đó, Công ty là đơn vị duy nhất cung cấp dịch vụ xử lý và thoát nước thải trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC (TIẾP THEO)

Công ty con: Không có

Các đơn vị thành viên:

Các đơn vị thành viên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy nước Lâm Hà	TT. Đình Văn, H. Lâm Hà	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
Nhà máy nước Bảo Lâm	TT. Lộc Thắng, H. Bảo Lâm	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
Nhà máy nước Đạ Tẻh	Khu phố 6A, H. Đạ Tẻh	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
Nhà máy nước Đơn Dương	TT. Thạch Mỹ, H. Đơn Dương	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
Nhà máy nước Đam Rông	TT. Bằng Lăng, H. Đam Rông	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
Nhà máy nước Đạ Huoai	TT. Madaguoil, H. Đạ Huoai	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
Xí nghiệp Quản lý Nước thải	TP. Đà Lạt	Quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải
Xí nghiệp tư vấn cấp thoát nước	TP. Đà Lạt	Tư vấn thiết kế, giám sát công trình XDCB
Xí nghiệp xây lắp cấp thoát nước	TP. Đà Lạt	Thi công, lắp đặt HTC, XDCB
Xí nghiệp Quản lý thủy lượng kế	TP. Đà Lạt	Kiểm định Nhà nước đồng hồ đo nước lạnh từ 15 - 50 mm.

Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ năm giữ	Vốn điều lệ thực góp
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	Số 81 đường Nguyễn Công Trứ, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Lâm Đồng	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	32,10%	13,5 tỷ đồng
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	Số 524 đường Hùng Vương, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, Lâm Đồng	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	37,01%	14,980 tỷ đồng

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đảm bảo số lượng, chất lượng nước sạch được phân phối đến tay người tiêu dùng ổn định. Duy trì đảm bảo 100% dân số sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn.
- Chủ trương thực hiện đồng bộ hệ thống cấp nước, đưa công nghệ mới vào hoạt động sản xuất kinh doanh, thay thế mạng lưới cấp nước nhằm giảm thất thoát nước và tối đa hóa năng suất của các trạm cấp nước; xây dựng hệ thống cấp nước hoàn chỉnh cho các đô thị trung tâm vùng, trung tâm các tiểu vùng và các đô thị loại IV trở lên.
- Chú trọng việc phát triển nguồn cấp để chủ động trong việc phân phối tiêu thụ nước máy, xây dựng cơ chế hoạt động phù hợp với định hướng phát triển của Công ty nhằm tạo cơ hội đầu tư.
- Tập trung phát triển và cải thiện dịch vụ tư vấn khách hàng, chuyên nghiệp hóa dịch vụ, giải quyết mọi thắc mắc cũng như sự cố cấp nước cho khách hàng kịp thời và nhanh chóng, đảm bảo an toàn.

Các mục tiêu phát triển bền vững

- Ngoài mục tiêu về kết quả kinh doanh, Công ty luôn chú trọng đến vấn đề đảm bảo an sinh xã hội và tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng nước sạch theo quy định của Pháp luật.
- Đội ngũ lãnh đạo luôn chú trọng và không ngừng cải thiện chất lượng sản xuất đi đôi với áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường.
- Ứng dụng công nghệ kỹ thuật vào quá trình vận hành hệ thống, nâng cao hiệu suất làm việc của máy móc, giảm tối đa các tác động ảnh hưởng đến môi trường.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Thực hiện mục tiêu nâng cao số lượng và chất lượng nước phục vụ cho nhu cầu sử dụng đến năm 2025 có khoảng 250.700 m³/ngày đêm, đến năm 2035 khoảng 347.600 m³/ngày đêm và đến năm 2050 khoảng 450.400 m³/ngày đêm.
- Chủ trương thực hiện đồng bộ hệ thống cấp nước, đưa công nghệ mới vào hoạt động sản xuất kinh doanh, thay thế mạng lưới cấp nước nhằm giảm thất thoát nước và tối đa hóa năng suất của các trạm cấp nước; xây dựng hệ thống cấp nước hoàn chỉnh cho các đô thị trung tâm vùng, trung tâm các tiểu vùng và các đô thị loại IV trở lên; đảm bảo 100% dân số sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn vệ sinh.
- Duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và đảm bảo năng suất hiệu quả trong giai đoạn từ năm 2016-2022 như sau:
 - Lượng nước thương phẩm mục tiêu tăng 5%/năm.
 - Tổng công suất mục tiêu 48.600 m³/ngày đêm lên 72.600 m³/ngày đêm.
 - Thi công 77 km đường ống từ DN50 - DN800.
 - Giảm 1% tỷ lệ thất thoát, thất thu nước hàng năm.
 - Nâng cao năng suất lao động, tăng ít nhất 5%/năm.
 - Mở rộng ngành nghề hoạt động, ưu tiên những ngành nghề lợi thế như: dịch vụ lắp đặt hệ thống cấp nước sau thủy lượng kế, kinh doanh vật tư ngành nước nhằm nâng cao doanh thu, lợi nhuận cho công ty, mở rộng thị phần và gia tăng cơ hội việc làm cho người dân tại địa phương cũng như người lao động nhập cư nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế.

COST CONTROL



CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Năm 2021 chứng kiến quá trình từng bước phục hồi của nền kinh tế thế giới kể từ sau thời điểm dịch bệnh bùng phát mạnh mẽ kể từ tháng 4 năm 2020. Năm 2021 là năm mà công tác tiêm ngừa Covid-19 được các quốc gia trên thế giới triển khai rộng khắp, điều này góp phần giảm thiểu đến mức thấp nhất số lượng ca nhiễm. Tuy nhiên, đó mới chỉ là bước khởi đầu trong quá trình phục hồi đầy gian nan của nền kinh tế toàn cầu, dịch bệnh vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại.

Trước tình hình chung của thế giới, nền kinh tế - xã hội Việt Nam cũng không tránh khỏi những ảnh hưởng nhất định. Năm 2021, Việt Nam chứng kiến sự bùng phát Covid-19 mạnh mẽ chưa từng có, tác động tiêu cực đến mọi lĩnh vực, ngành nghề. Theo Tổng cục Thống kê, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2021 tăng 2,58% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù tốc độ tăng trưởng GDP trong năm 2021 là mức tăng trưởng thấp nhất trong giai đoạn 2010 - 2021 nhưng trước tình hình chung của toàn cầu, đây được xem là kết quả khả quan và là động lực thúc đẩy để Việt Nam phục hồi trong thời gian ngắn nhất.

Tăng trưởng kinh tế

Là Công ty hoạt động trong lĩnh vực thiết yếu của xã hội, Lawaco ít chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Tuy vậy, khi nền kinh tế phát triển tốt thì đời sống người dân được nâng cao và hoạt động sản xuất được mở rộng. Nhu cầu nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất được tăng cao, đặc biệt trong bối cảnh đô thị hóa đang tăng lên nhanh chóng. Theo quy hoạch về phát triển cấp nước cho các khu đô thị và công nghiệp đến năm 2025, Việt Nam hướng đến các mục tiêu tỷ lệ tiếp cận nước sạch được cung cấp tập trung ở khu đô thị là 100% với tiêu chuẩn tiêu thụ 120 lít/người/ngày. Trong khi đó, tỷ lệ tiếp cận nước sạch an toàn ở nông thôn chỉ đạt 75%. Nhận định được rủi ro cũng như cơ hội phát triển, Công ty nắm bắt và chủ động trước diễn biến của nền kinh tế để đưa ra những chiến lược và giải pháp phù hợp cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Rủi ro lạm phát

Trong những năm gần đây, Chính phủ Việt Nam luôn nỗ lực điều tiết và kiểm soát lạm phát duy trì ở mức thấp, dưới 4%/năm. Giá cả hàng hoá nói chung đã tăng cao do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Lạm phát tăng định kỳ theo tháng (đặc biệt là quý III/2021), thậm chí ở mức kỷ lục trong nhiều năm ở nhiều quốc gia, chủ yếu do tác động của sức cầu bật tăng nhanh, đứt gãy chuỗi cung ứng làm tăng sự khan hiếm hàng hóa và chi phí vận tải - kho bãi (logistics).

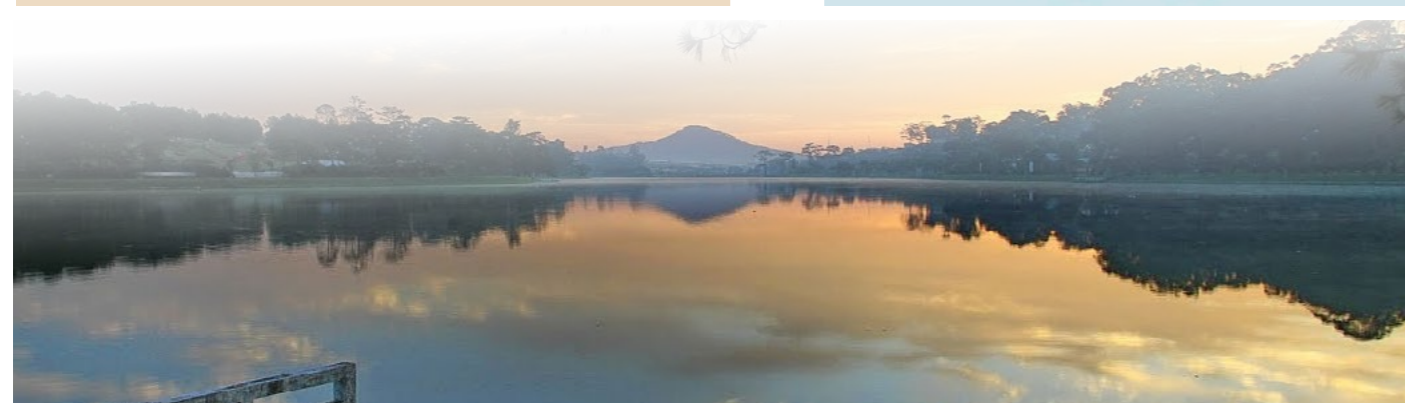
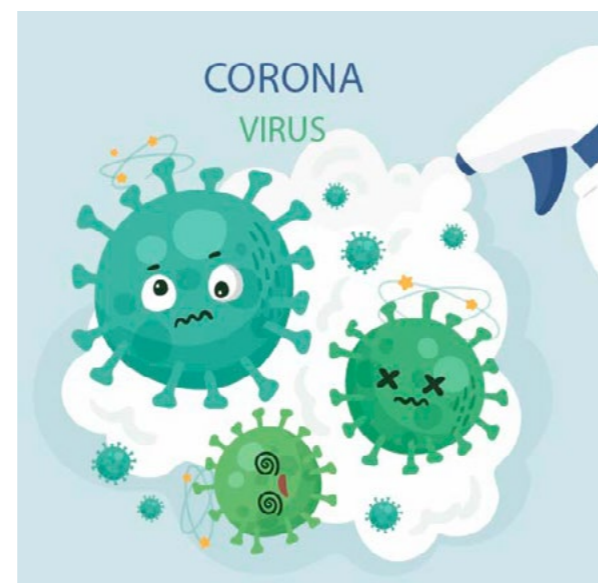
Tuy nhiên, ngược lại với chiều hướng chung của toàn cầu, giá cả hàng hóa Việt Nam nhìn chung tăng chậm so với thế giới. Do tình hình dịch bệnh nên nhìn chung người dân có xu hướng dè dặt chi tiêu. Theo Tổng cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 1,84% so với năm trước, đây là mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016; lạm phát cơ bản 12 tháng tăng 0,81%.

Lawaco luôn luôn nắm bắt và kịp thời cập nhật những diễn biến trên thị trường. Trước tác động của giá cả và lạm phát, Công ty luôn chủ động xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát chi phí cũng như phát động phong trào tiết kiệm tại doanh nghiệp.

Rủi ro pháp luật

Là Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, mọi hoạt động của Lawaco đều tuân thủ theo quy định và các văn bản dưới luật có liên quan. Năm 2021 là năm mà Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019 chính thức có hiệu lực. Theo đó, những thay đổi của Luật sẽ ảnh hưởng ít nhiều tới các hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, các Nghị định, Thông tư, văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực khai

thác, xử lý và cung cấp nước như Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường cùng với những tiêu chuẩn, điều kiện về an toàn và chất lượng nguồn nước cũng sẽ tác động đến Công ty. Để giảm thiểu rủi ro pháp luật ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, Công ty luôn chủ động cập nhật những thay đổi trong văn bản pháp luật và các quy định liên quan.



CÁC RỦI RO (tiếp theo)

Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro giá cả đầu ra

Lawaco là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thiết yếu của xã hội, vì vậy giá cả đầu ra được quy định bởi Nhà nước và các cấp chính quyền có liên quan. Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 44/2021 quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt áp dụng từ ngày 5/8/2021.

Tuy nhiên, mức giá và khung giá cụ thể do UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt dựa theo các quy định về tính giá. Căn cứ Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày

09 tháng 10 năm 2018 về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng.

Hiện nay chi phí đầu vào có xu hướng tăng nhưng đơn giá bán chưa được điều chỉnh kịp thời, gây khó khăn cho toàn ngành nói chung và Lawaco nói riêng.

Trước những rủi ro này, Công ty tiến hành kiểm soát chi phí và tỷ lệ thất thoát nước nhằm duy trì lợi nhuận kinh doanh ổn định.



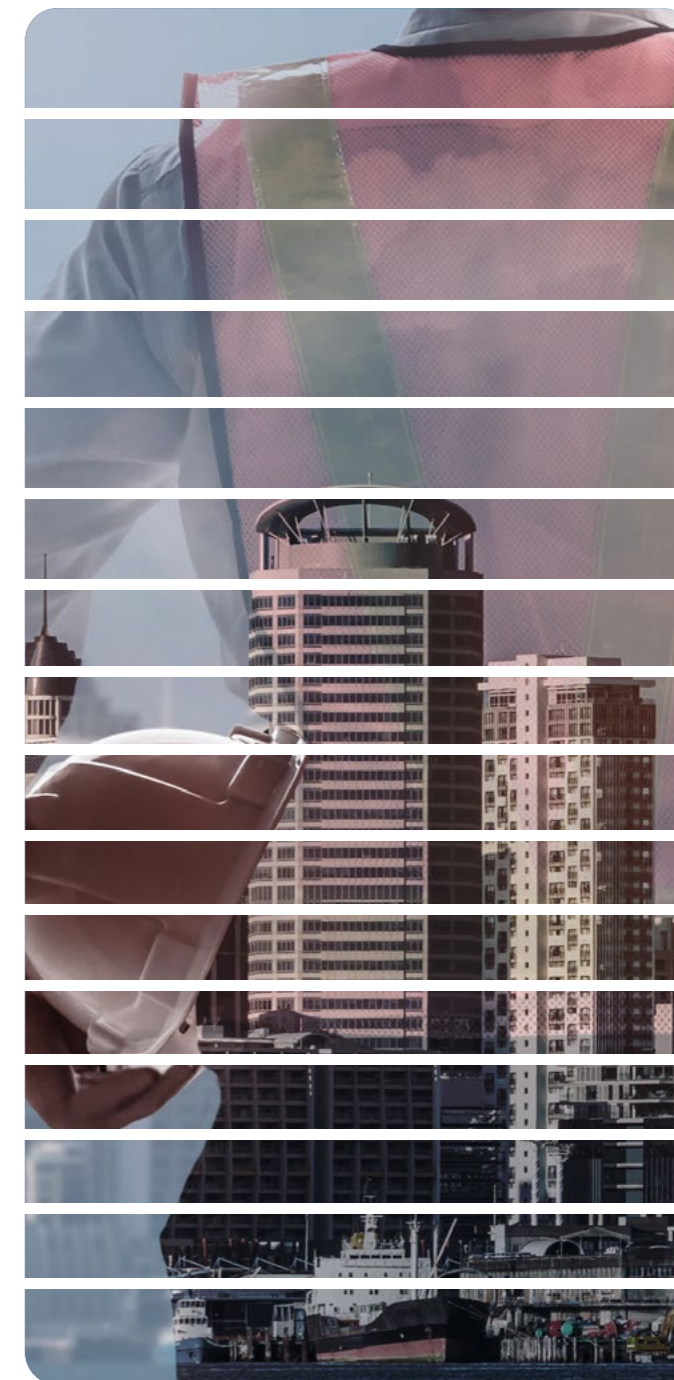
Rủi ro thất thoát nước, thất thu nước sạch

Rủi ro thất thoát nước luôn là một trong những vấn đề mà các Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch đặt lên hàng đầu. Vấn đề này càng trở nên cấp thiết hơn khi thực trạng biến đổi khí hậu đã và đang ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống sinh hoạt của con người. So với những nước trong khu vực, Việt Nam là quốc gia có tỷ lệ thất thoát nước cao, điều này ảnh hưởng nghiêm trọng tới hiệu quả sản xuất của Công ty cũng như lãng phí rất lớn nguồn tài nguyên quốc gia. Có 2 dạng thất thoát nước phổ biến như:

- » Thất thoát hữu hình: Do bể vỡ đường ống nước, dùng cho công tác súc xả đường ống, thổi rửa giếng và có thể khắc phục được.
- » Thất thoát vô hình: Do rò rỉ mạng đường ống nước theo mối nối - là loại thường khó phát hiện, nên việc kiểm soát khó khăn và công tác sửa chữa thường tốn kém hơn.

Ngoài ra, thất thu nước sạch có thể xuất phát từ việc chậm thanh toán hoặc không thanh toán của khách hàng; hoặc do đồng hồ lưu lượng nước hoạt động không đúng; hay đến từ các hành vi gian lận trong việc sử dụng nước sạch không thông qua đồng hồ.

Thất thoát nước thường khó phát hiện, công tác sửa chữa khó khăn và tốn kém gây nên những khó khăn về tài chính cho Lawaco. Nhận thấy những rủi ro đặc thù nói trên, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng luôn chú trọng ưu tiên xây dựng các biện pháp giảm tỷ lệ thất thoát nước cũng như thất thu nước sạch như: Lập kế hoạch kiểm tra, dò tìm, sửa chữa các điểm rò rỉ; Tiến hành bảo dưỡng toàn bộ hệ thống mạng lưới cấp nước trong khu vực đơn vị phụ trách; Cải tạo, thay thế, nâng cấp đường ống; Nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên trong Công ty.



CÁC RỦI RO (tiếp theo)

Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro môi trường

Lâm Đồng được biết đến là một tỉnh Tây Nguyên với những ưu thế được thiên nhiên ban tặng. Những lợi thế đó giúp Lâm Đồng ngày càng phát triển và đóng góp không nhỏ vào sự phát triển chung của cả nước. Với lợi thế sẵn có từ nông nghiệp, lâm nghiệp và cả công nghiệp nên ngày càng có nhiều doanh nghiệp được thành lập trên địa bàn tỉnh. Theo đó, việc hoạt động sản xuất, kinh doanh phát triển cũng làm phát sinh nhiều yếu tố ảnh hưởng tới môi trường.

Rác thải sinh hoạt của cư dân, chất thải từ các nhà máy, xí nghiệp; hóa chất có trong thuốc trừ sâu ngấm vào nguồn nước ngầm,... là nguyên nhân chính khiến cho nguồn nước bị ô nhiễm nghiêm trọng. Trước thực trạng đáng báo động đó, Lawaco luôn nỗ lực đảm bảo các điều kiện về môi trường, chấp hành các quy định của cơ quan chức năng trong việc khai thác và kinh doanh nước sạch. Bên cạnh đó, khai thác nguồn nước sao cho hợp lý luôn là một mục tiêu mà Công ty đặt ra, để từ đó tránh việc lãng phí tài nguyên quốc gia.



Rủi ro thời tiết

Như đã nói ở trên, Lâm Đồng là một tỉnh trực thuộc khu vực Tây Nguyên, gắn liền với 2 mùa duy nhất trong năm: mùa mưa và mùa khô. Chính vì những khác biệt đặc thù nói trên đã gây ra những trở ngại, thách thức đối với Lawaco nói riêng cũng như ngành nước tại tỉnh Lâm Đồng nói chung. Đặc biệt khi Lâm Đồng bắt đầu mùa khô (từ cuối tháng hai đến hết tháng tư), thực trạng khan hiếm nguồn nước lại càng báo động hơn bao giờ hết, đặc biệt trong tình hình biến đổi khí hậu, nắng nóng kéo dài. Trước thực trạng này, Ban Lãnh đạo Công ty đã phối hợp cùng các cấp chính quyền địa phương nhằm tìm ra phương án tối ưu nhất để khai thác nguồn nước sao cho hiệu quả, tuân thủ pháp luật về môi trường nói chung và tài nguyên nước nói riêng.

Rủi ro trong công tác kiểm soát chất lượng nước sạch cung cấp

Đối với các công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, công tác kiểm soát chất lượng nguồn nước sạch là vấn đề cấp thiết, được đặt lên hàng đầu. Do đó, Công ty luôn tiên phong trong công tác kiểm soát chất lượng nguồn nước một cách hiệu quả, ưu tiên trong việc duy tu, bảo dưỡng thiết bị định kỳ thường xuyên.

Nước, đặc biệt là nước sạch luôn là nhu cầu thiết yếu trong đời sống của con người. Nhận thức được tầm quan trọng của nước sạch cũng như sứ mạng của một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực này, Lawaco định hướng lập kế hoạch dự báo các rủi ro có thể xảy ra, đề ra các biện pháp ứng phó cho từng tình huống nhằm hạn chế thiệt hại và không để tình trạng thiếu nước xảy ra.

Rủi ro khác

Một số rủi ro khác có thể kể đến như hỏa hoạn, thiên tai, dịch bệnh, các sự cố hy hữu trong quá trình hoạt động vận hành,... Đó đều là những rủi ro bất khả kháng, không thể tránh khỏi mà bất kỳ doanh nghiệp nào cũng phải đối mặt, ảnh hưởng nghiêm trọng tới an toàn của người lao động cũng như những tổn thất đối với tài sản doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty luôn chủ động đề ra những giải pháp phù hợp và hiệu quả để giảm thiểu rủi ro đến mức thấp nhất, như: nâng cao ý thức người lao động trong công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, mua các loại bảo hiểm cần thiết trong năm.



PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021



- 01. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**
- 02. TXổ chức và nhân sự**
- 03. Tình hình đầu tư, thực hiện dự án**
- 04. Tình hình tài chính**
- 05. Cơ cấu cổ đông**
- 06. Báo cáo trách nhiệm với môi trường và cộng đồng**

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	KH 2021	TH 2021	TH 2020	% TH 2021/ KH 2021	% TH2021/ TH 2020
Doanh thu thuần	258.758	233.902	251.221	90,39%	93,11%
Tổng doanh thu	300.481	275.586	298.061	91,71%	92,46%
Lợi nhuận từ HĐKD	43.228	44.276	51.416	102,42%	86,11%
Lợi nhuận trước thuế	52.341	43.228	49.543	82,59%	87,25%
Lợi nhuận sau thuế	41.873	34.458	38.650	82,29%	89,15%

Trong năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp tại Việt Nam đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty, dẫn tới một số chỉ tiêu chính đều không đạt theo kế hoạch đề ra. Cụ thể, tổng doanh thu năm 2021 đạt giá trị 275.586 triệu đồng, tương ứng đạt 91,71% so với kế hoạch và 92,46% so với cùng kỳ năm 2020. Doanh thu thuần trong năm 2021 ghi nhận giá trị 233.902 triệu đồng, chỉ đạt 90,39% so với kế hoạch, bằng 93,11% so với năm 2020, một phần là do sản lượng nước sản xuất và ghi thu của Công ty phụ thuộc nhu cầu tiêu dùng của các hộ dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.



Do dịch Covid-19 đã làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính tại địa phương bị hạn chế, hoạt động kinh doanh, dịch vụ du lịch gần như bị đình trệ. Vì vậy các khách hàng sản xuất - kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch (chiếm 90%) không sử dụng nước một thời gian dài làm cho doanh thu nước từ hoạt động này rất thấp. Bên cạnh đó, việc thực hiện giảm giá nước cho dân theo văn bản số 6140/UBND-TL ngày 26/08/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng dẫn đến các chỉ tiêu kế hoạch mà Công ty đề ra trong năm 2021 đều không đạt, làm cho lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận trước thuế và sau thuế cũng giảm theo.

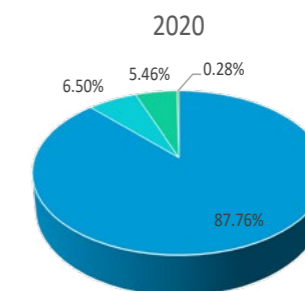
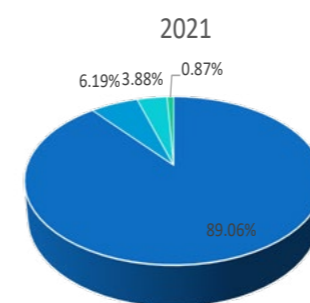
Cơ cấu doanh thu từng mảng kinh doanh

Khoản mục	2021		2020		% TH2021/ TH 2020
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Nước sạch	208.323	89,06%	220.469	87,76%	-5,51%
Xử lý nước thải	14.467	6,19%	16.325	6,5%	-11,38%
Xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	9.080	3,88%	13.717	5,46%	-33,8%
Khác	2.032	0,87%	710	0,28%	186,2%
Tổng cộng	233.902	100%	251.221	100%	-6,89%

Hoạt động cung cấp nước sạch là mảng kinh doanh chính được Ban Lãnh đạo Lawaco tập trung phát triển và đưa vào Chiến lược dài hạn của Công ty. Trong năm 2021, hoạt động này vẫn giữ vai trò then chốt trong cơ cấu doanh thu của Công ty khi chiếm tới 89,06% tổng doanh thu.

Theo đó sản xuất nước sạch đạt giá trị 208.323 triệu đồng, giảm 12.146 triệu đồng, tương ứng giảm 5,51% so với cùng kỳ năm trước. Xử lý nước thải và xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước với tỷ trọng lần lượt là 6,19% và 3,88%. Trong đó, hoạt động xử lý nước thải đạt giá trị là 14.467 triệu đồng, giảm 1.858 triệu đồng, tương ứng giảm 11,38%; hoạt động xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước đạt giá trị 9.080 triệu đồng, giảm 4.637 triệu đồng, tương ứng giảm 33,8%. Bên cạnh đó, Công ty còn ghi nhận doanh thu đến từ các hoạt động khác chiếm 0,87% tổng cơ cấu doanh thu, trong năm khoản mục này tăng 186,2%, tuy nhiên đây là mảng chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Là doanh nghiệp uy tín trong lĩnh vực cung cấp và xử lý nước sạch tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng nói riêng và khu vực Miền Trung - Tây Nguyên nói chung, Lawaco đã xây dựng thương hiệu riêng với chất lượng sản phẩm đi đôi với trình độ quản lý và ứng dụng công nghệ cao so với các doanh nghiệp cùng ngành tại khu vực. Với quy mô thị trường cung cấp nước sạch lớn và không ngừng tăng trưởng theo tốc độ đô thị hóa và gia tăng dân số, nhu cầu sử dụng nước sạch gia tăng do người dân ý thức được vai trò của nguồn nước sạch đối với sức khỏe và đời sống hằng ngày, do vậy Công ty xác định mảng cung cấp nước sạch là mảng kinh doanh chiến lược trong tương lai.



■ Nước sạch ■ Xử lý nước thải ■ Xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước ■ Khác

■ Nước sạch ■ Xử lý nước thải ■ Xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước ■ Khác



Danh sách Ban điều hành (tính đến ngày 31/12/2021)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Số lượng CP đại diện cho SCIC	Tổng	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên Hội đồng Quản trị, kiêm Tổng Giám đốc	-	22.059.047	22.059.047	27,9937%
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc	3.600	9.453.877	9.457.477	12,0046%
3	Ông Bùi Hoàng Trường Vĩ	Quyền Kế toán trưởng	1.300	-	-	0,00165%

Ông Nguyễn Hùng Cường

Ngày sinh: 25/11/1966

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện tại: 22.059.047 cổ phần, chiếm 27,9937% vốn điều lệ

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: 22.059.047 cổ phần, chiếm 27,9937% vốn điều lệ.

Quá trình công tác

- 09/1988 - 05/1989: Kỹ thuật viên Xí nghiệp Công trình Giao thông Lâm Đồng.
- 05/1989 - 1998: Công nhân Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- 1998 - 09/2004: Kỹ thuật viên Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- 09/2004 - 07/2006: Đội phó đội Xây dựng cơ bản Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- 04/2006 - 10/2007: Đội trưởng đội Xây dựng cơ bản Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- 10/2007 - 02/2009: Giám đốc kiêm Bí thư chi bộ Xí nghiệp xây lắp Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- 02/2009 - 07/2009: Phó Giám đốc Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- 07/2009 - 10/2011: Giám đốc kiêm Bí thư chi bộ Xí nghiệp xây lắp Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- 10/2011 - 09/2012: Chuyên viên phòng Quản lý Xây dựng Sở Xây dựng Lâm Đồng.
- 09/2012 - 09/2017: Phó trưởng phòng Hạ tầng kỹ thuật Sở Xây dựng Lâm Đồng.
- 09/2017 - 09/2020: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- 09/06/2018 - Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng
- 09/2020 - nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Ông Nguyễn Văn Dũng

Ngày sinh: 06/06/1968

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện tại: 9.457.477 cổ phần, chiếm 12,0046% vốn điều lệ

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán

- Cá nhân sở hữu: 3.600 cổ phần, chiếm 0,0046% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 9.453.877 cổ phần, chiếm 12% vốn điều lệ.

Quá trình công tác

- 1990: Nhân viên Cục Thống kê Lâm Đồng.
- 1991 - 1994: Nhân viên phòng Kế toán Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- 1995 - 2008: Phó phòng Kế toán Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- 2009 - 05/2008: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- 06/2018 - Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- 28/04/2021: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Ông Bùi Hoàng Trường Vĩ

Ngày sinh: 07/03/1982

Chức vụ hiện nay: Quyền Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện tại: 1.300 cổ phiếu, chiếm 0,00165% vốn điều lệ.

- Cá nhân sở hữu: 1.300 cổ phần, chiếm 0,00165% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Quá trình công tác

- 03/2004 - 10/2007: Nhân viên phòng Kế toán tài chính Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- 01/2007 - 12/2011: Nhân viên phòng Quản lý chất lượng Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- 01/2012 - 06/2018: Nhân viên phòng kế toán tài chính Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- 06/2018 - nay: Quyền kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

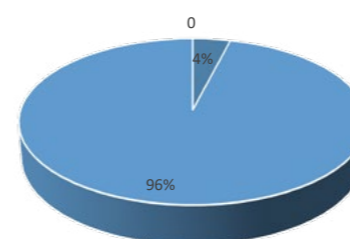


Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	369	100%
1	Trình độ Đại học, trên Đại học	139	38%
3	Trình độ Cao đẳng	16	4%
4	Trung cấp	38	10%
5	Công nhân kỹ thuật	176	48%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	369	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn (từ 1-3 năm)	16	4%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	353	96%
3	Hợp đồng theo thời vụ (dưới 1 năm)	-	-
III	Theo giới tính	369	100%
1	Nam	269	73%
2	Nữ	100	27%
IV	Theo đối tượng lao động	369	100%
1	Lao động trực tiếp	240	65%
2	Lao động gián tiếp	129	35%
V	Theo cấp quản lý	64	100%
1	Quản lý cấp cao	4	6%
2	Quản lý cấp trung	9	14%
3	Quản lý cấp chi nhánh	18	28%
4	Chuyên viên, nhân viên	33	52%
VI	Theo độ tuổi	369	100%
1	Từ 18 đến 25 tuổi	1	0,3%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	69	18,7%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	149	40,40%
4	Trên 45 tuổi	150	40,60%

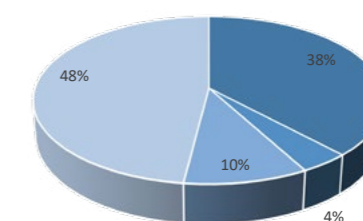
Số lượng cán bộ công nhân viên

Theo tính chất hợp đồng lao động



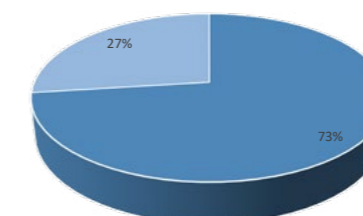
- Hợp đồng có xác định thời hạn (từ 1-3 năm)
- Hợp đồng không xác định thời hạn
- Hợp đồng theo thời vụ (dưới 1 năm)

Theo trình độ



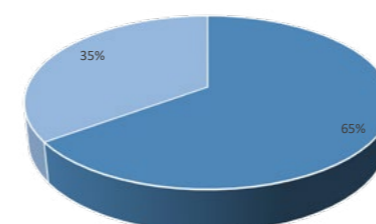
- Trình độ Đại học, trên Đại học
- Trình độ Cao đẳng
- Trung cấp
- Công nhân kỹ thuật

Theo giới tính



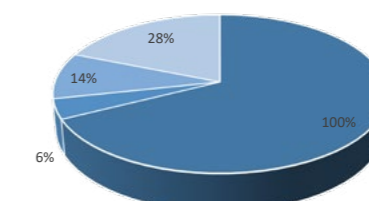
- nam
- nữ

Theo đối tượng lao động



- LĐ trực tiếp
- LĐ gián tiếp

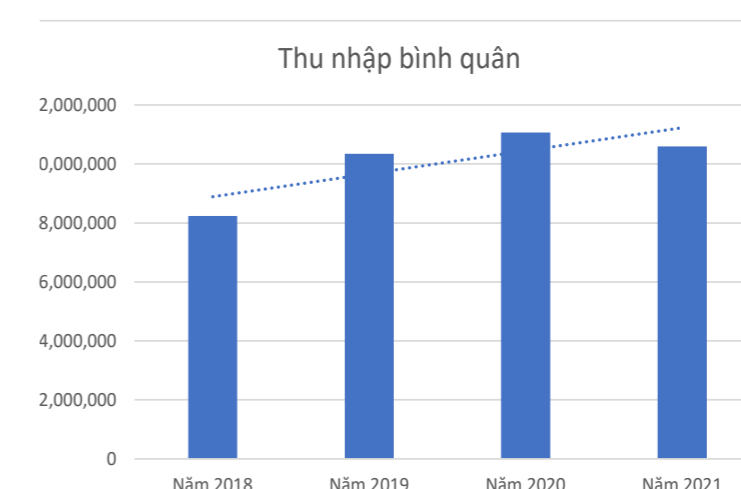
Theo cấp quản lý



- Quản lý cấp cao
- Quản lý cấp trung
- Quản lý cấp chi nhánh
- Chuyên viên, nhân viên

Thu nhập bình quân:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng lao động (người)	439	389	373	368
Thu nhập bình quân (đồng/người tháng)	8.239.000	10.343.000	11.071.000	10.596.000



Chính sách nhân sự

Về đào tạo

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng xác định nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, quyết định đến sự thành công của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, Công ty nhận thức rõ nguồn nhân lực có vai trò quan trọng như thế nào đến quá trình hoạt động và phát triển của Lawaco. Để phát triển nguồn nhân lực, Lawaco chú trọng công tác đào tạo và không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực sẵn có của Công ty.

Sự phát triển mạnh mẽ của kỹ thuật, công nghệ hiện đại đòi hỏi con người phải hội nhập vào quá trình tất yếu đó. Theo đó, Lawaco luôn đào tạo để đội ngũ cán bộ cũng như công nhân viên Công ty trở thành những người làm chủ, nắm bắt những công nghệ hiện đại, thành thạo máy móc, thiết bị tân tiến. Công ty luôn chủ động khuyến khích, tạo điều kiện cho nhân viên tham gia vào các chương trình đào tạo chuyên sâu để đảm bảo nhân viên hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất, nâng cao trình độ chuyên môn, phát huy tính sáng tạo, đưa ra các giải pháp, sáng kiến nhằm cải thiện hiệu quả kinh doanh của Công ty. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên trong năm 2021, Công ty tạm hoãn tổ chức học và thi nâng bậc nghề, kiểm tra sức khỏe định kỳ cũng như tham quan nghỉ dưỡng.

Môi trường công việc

Để đảm bảo năng suất làm việc của người lao động cũng như thúc đẩy tiềm lực phát triển của Công ty, Lawaco luôn cố gắng tạo ra một môi trường làm việc năng động, thân thiện và chuyên nghiệp nhất nhằm phát huy năng lực và khả năng sáng tạo của đội ngũ công nhân viên. Một doanh nghiệp có môi trường làm việc tốt là một doanh nghiệp có văn hóa nội bộ tốt, từ đó sẽ thu hút được những ứng cử viên có năng lực, là yếu tố giúp giữ chân nhân viên gắn bó lâu dài với công ty, tạo sự ổn định nguồn nhân lực của Công ty.

Lương, thưởng

Việc làm của người lao động được duy trì ổn định qua các năm, thu nhập bình quân năm sau cao hơn năm trước nên người lao động đều yên tâm công tác, gắn bó với doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Lawaco còn có chế độ lương thưởng đối với những cán bộ, công nhân viên có thành tích nổi bật, thưởng theo kết quả công việc cũng như phụ trợ cho nhân viên làm thêm ngoài giờ nhằm khuyến khích người lao động cống hiến, đóng góp giá trị lao động của mình cho thành quả chung của Công ty cũng như đối với lao động làm thêm giờ, đóng góp hiệu suất vào tiến trình phát triển chung của Lawaco.

Phúc lợi, đãi ngộ

Lawaco đặc biệt quan tâm đến quyền lợi của người lao động và thường xuyên tạo điều kiện có lợi hơn luật lao động hiện hành như: Điều kiện làm việc, Bảo hộ lao động, thường xuyên đào tạo nâng cao tay nghề, chế độ thăm hỏi, chế độ nghỉ dưỡng, chế độ nghỉ việc riêng...

Bên cạnh đó, người lao động còn được Công ty đóng các loại bảo hiểm như: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp,... đầy đủ. Công đoàn cơ sở triển khai, phổ biến kịp thời các văn bản chỉ đạo của cấp trên, thường xuyên quan tâm nắm bắt diễn biến tư tưởng của người lao động, giải thích và động viên kịp thời. Phối hợp với chính quyền và vận động người lao động xây dựng quỹ mái ấm để quan tâm chăm sóc cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn. Vào các dịp lễ, tết đề xuất với chính quyền phân phối thu nhập từ các quỹ của Công ty như quỹ khen thưởng, quỹ lương dự phòng...

Trong năm 2021 vừa qua, với những diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, Công ty đã kịp thời vận động tuyên truyền đến người lao động các quy định về phòng chống dịch của các cơ quan ban ngành, lập và triển khai kế hoạch phòng chống dịch Covid-19 sát với thực tế tại địa phương và doanh nghiệp. Với những định hướng rõ ràng, người lao động của Công ty ít bị ảnh hưởng do dịch bệnh, không mất việc làm và thu nhập ổn định.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Tên dự án: Đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước Phát Chi, xã Trạm Hành.

Tên nhà đầu tư: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng

Mục tiêu đầu tư: Sản xuất, cung cấp nước sạch cho nhân dân trên địa bàn xã Trạm Hành, Tp. Đà Lạt.

Quy mô dự án: Công suất cấp nước 2000m³/ngày đêm

Địa điểm thực hiện dự án: Thôn Phát Chi, xã Trạm Hành, TP. Đà Lạt.

Tổng mức đầu tư dự án: 14.491 tỷ đồng

Thời gian và tiến độ thực hiện dự án:

☑ Quý I/2020 - Quý I/2021: Thực hiện các thủ tục pháp lý chuẩn bị đầu tư.

☑ Quý 2/2021-Quý 1/2022: Hoàn thiện công trình đưa vào sử dụng.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết

Tên Công ty	Chứng nhận ĐKDN/ Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Giá trị sổ sách (Tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu
CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	5800970630			
Địa chỉ: Số 81 đường Nguyễn Công Trứ, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Lâm Đồng	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	13,5	5,47	32,10%
CTCP Cấp nước và Xây dựng Di Linh	5800831612			
Địa chỉ: Số 524 đường Hùng Vương, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, Lâm Đồng	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	14,2	5,66	37,01%

Các hạng mục công trình đầu tư mới và cải tạo nâng cấp

STT	Đơn vị/ Hạng mục công trình	Giá trị (Triệu đồng)	Mức đầu tư (Triệu đồng)	Giá trị thực hiện (Triệu đồng)
A /CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ NĂM 2020 - CHUYỂN SANG 2021				
I	ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT	17.049,572	17.123,220	1.979,998
II	NHÀ MÁY NƯỚC LÂM HÀ	273,000	297,749	300,431
III	NHÀ MÁY NƯỚC ĐAM RÔNG	-	-	-
IV	NHÀ MÁY NƯỚC ĐẠ TÊH	455,000	338,353	336,582
TỔNG HẠNG MỤC A		17.777,572	17.759,322	2.617.011
B/DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ NĂM 2021				
I	ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT	3.034,200	2.151,205	1.224,932
II	NHÀ MÁY NƯỚC ĐƠN DƯƠNG	-	-	-
III	NHÀ MÁY NƯỚC LÂM HÀ	660,322	559,301	590,423
IV	NHÀ MÁY NƯỚC BẢO LÂM	860,000	-	-
V	NHÀ MÁY NƯỚC ĐẠ HUOAI	384,400	-	-
VI	NHÀ MÁY NƯỚC ĐẠ TÊH	362,000	361,610	361,610
TỔNG HẠNG MỤC B		5.300,922	3.072,116	2.176,965
TỔNG HẠNG MỤC A+B		23.078,495	20.831,438	4.793.975

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN (tiếp theo)

Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các Công ty liên doanh, Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tỷ lệ hoàn thành
Vốn điều lệ	13.500	13.500	13.500	100%
Tổng giá trị tài sản	22.117	24.607	24.365	99,02%
Doanh thu thuần	9.825	11.063	10.670	96,45%
Lợi nhuận sau thuế	2.627	3.783	2.725	72,03%

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng thuộc huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, cách thành phố Đà Lạt 30km. Công ty hoạt động trong lĩnh vực chính là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Bên cạnh đó, Công ty còn hoạt động trong các ngành nghề khác như: Xây dựng công trình cấp, thoát nước; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác,...

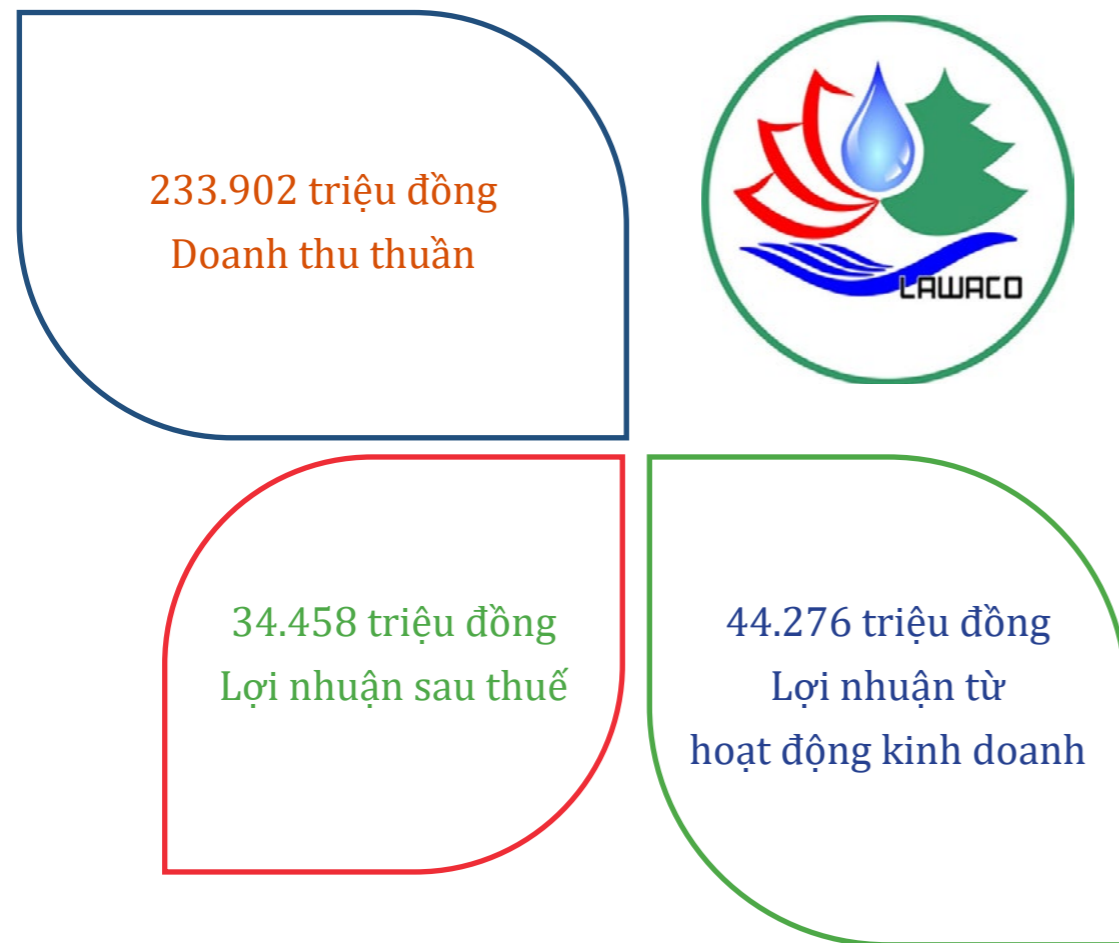
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ hoàn thành
Vốn điều lệ	14.200	14.980	14.980	14.980	100%
Tổng giá trị tài sản	28.166	29.744	31.964	31.997	99,9%
Doanh thu thuần	16.377	15.843	19.474	16.554	117,6%
Lợi nhuận sau thuế	1.322	1.471	1.529	1.512	101,1%

Công ty Cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh thuộc huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, cách thành phố Đà Lạt 50km. Công ty hoạt động trong lĩnh vực chính là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Bên cạnh đó, Công ty còn hoạt động trong các ngành nghề khác như: Thoát nước và xử lý nước thải; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Hoạt động tư vấn quản lý; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật...





Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	9,44	6,27
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	9,18	6,12
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	21,23	19,84
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	26,96	24,75
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	13,57	14,77
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,196	0,157
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	15,38	14,73
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	3,23	2,91
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,53	2,32
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	20,47%	18,93

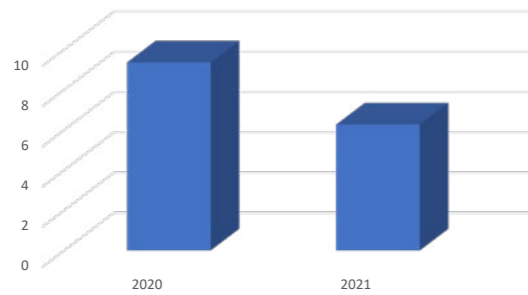


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

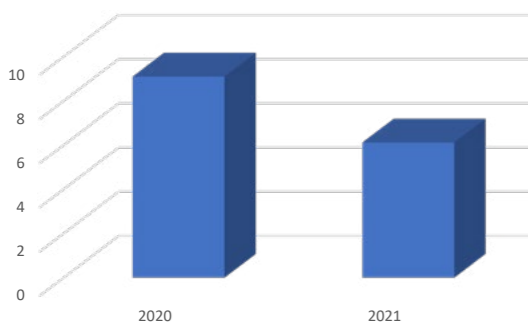
Khả năng thanh toán

Tính đến ngày 31/12/2021, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Lawaco có nhiều thay đổi nhất định so với giá trị đầu năm 2021. Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt đạt 6,27 và 6,12 lần, cả hai chỉ tiêu này đều giảm so với số đầu kỳ. Nguyên nhân dẫn đến hệ số thanh toán ngắn hạn giảm là do tài sản ngắn hạn giảm 41,64%, nợ ngắn hạn giảm 12,19% so với giá trị đầu năm 2021.

Hệ số thanh toán ngắn hạn:



Hệ số thanh toán nhanh:



Tài sản ngắn hạn giảm nguyên nhân chủ yếu là do khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn giảm 282.824 triệu đồng, tương ứng giảm 50,35%. Cụ thể, số tiền thu được từ việc bán cổ phần được giữ lại để đầu tư phát triển Công ty. Số tiền này hiện nay đang được gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ 3 - 12 tháng với mức lãi suất 6,30% đến 7,15%/năm. Ngoài ra, hàng tồn kho cũng là một trong những lý do chính ảnh hưởng đến tài sản ngắn hạn khi chỉ tiêu này giảm 8.670 triệu đồng, tương ứng giảm 49,15%.

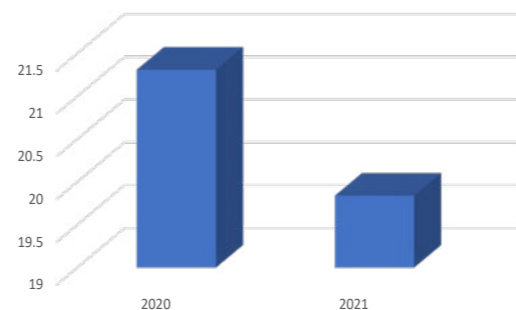
Trong khi đó, nợ ngắn hạn giảm 12,19% chủ yếu đến từ việc quỹ khen thưởng phúc lợi giảm 44,21% so với năm 2020. Diễn biến dịch bệnh phức tạp trong năm 2021 đã có những tác động tiêu cực đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn nền kinh tế nói chung và LDW nói riêng, mặc dù các chỉ số liên quan đến khả năng thanh toán trong năm 2021 có những sụt giảm rõ rệt so với năm 2020 nhưng các chỉ số vẫn lớn hơn 1 nên Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán trong việc đáp ứng các nhu cầu tài chính ngắn hạn.

Cơ cấu vốn

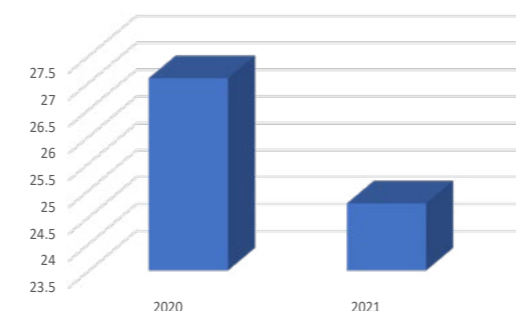
Một trong những vấn đề được LDW chú trọng hàng đầu đó chính là duy trì cơ cấu tài chính ổn định, ưu tiên sử dụng vốn tự có để tài trợ cho các dự án. Trong năm 2021, cả hai chỉ tiêu về cơ cấu vốn đều có xu hướng giảm nhẹ so với đầu năm 2021.

Tổng nợ trong năm 2021 của Công ty chiếm 19,84% tổng tài sản và 24,75% trên vốn chủ sở hữu. Cả 2 chỉ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu đều giảm là do trong năm qua công ty đã trả dần các khoản vay nợ dài hạn, cụ thể là khoản vay tài trợ dự án cấp nước thành phố Đà Lạt giảm 17.285 triệu đồng và khoản vay tài trợ tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng giảm 5.962 triệu đồng, nên nợ phải trả giảm 12,19% so với giá trị đầu năm 2021.

Hệ số Nợ/Tổng tài sản



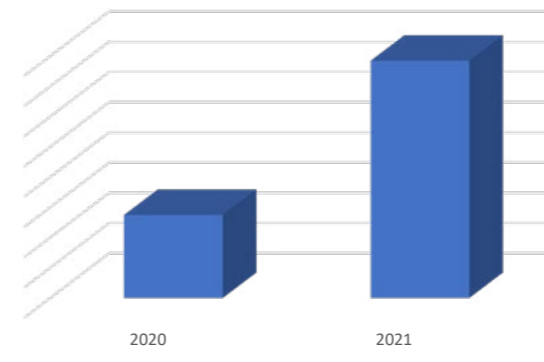
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu



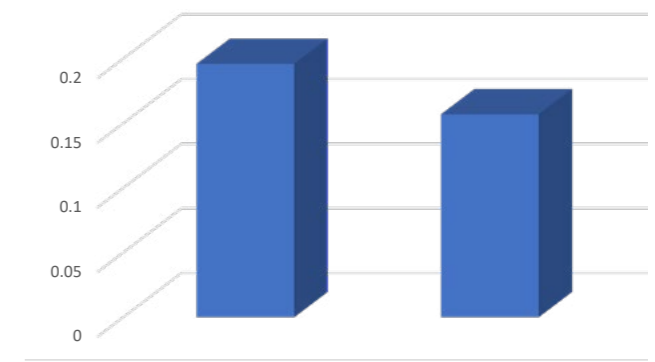
Năng lực hoạt động

Trong năm 2021, vòng quay hàng tồn kho tăng từ 13,57 vòng lên 14,77 vòng do hàng tồn kho trong năm đã giảm 44,21%, tương đương giảm 8.670 triệu đồng so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu do nguyên vật liệu tồn kho trong kỳ đã giảm từ 17.051 triệu đồng xuống còn 9.399 triệu đồng (giảm 44,88% so với cùng kỳ). Do đặc thù ngành nghề nên tài sản của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước rất lớn, nên vòng quay tổng tài sản tương đối nhỏ. Vòng quay tài sản của Lawaco không có sự thay đổi nhiều qua các năm cho thấy hiệu quả hoạt động của Công ty luôn duy trì ở mức ổn định.

Vòng quay hàng tồn kho



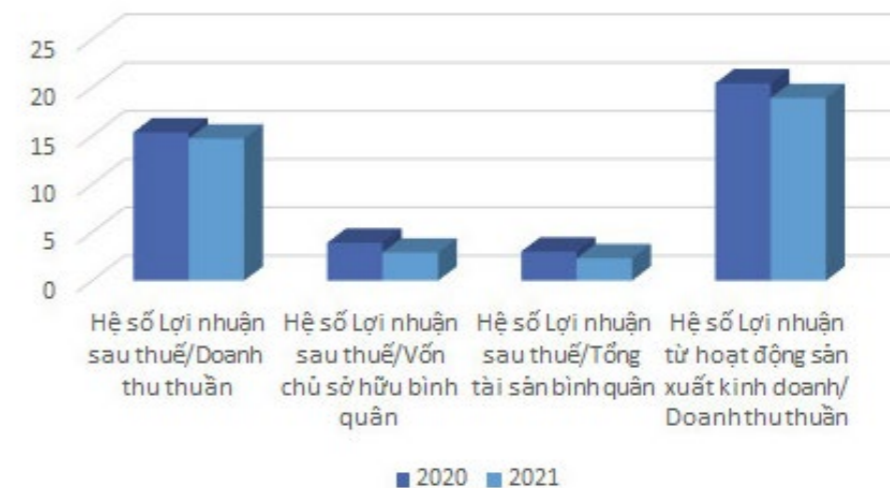
Vòng quay tổng tài sản



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong năm 2021, trước ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, dẫn đến sự sụt giảm trong các chỉ tiêu về khả năng sinh lời. Cụ thể, chỉ số ROE và chỉ số ROA lần lượt đạt 2,91% và 2,32%. Biên lợi nhuận ròng và biên lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh lần lượt đạt 14,73% và 18,93%. Mặc dù có sự sụt giảm do tình hình dịch bệnh nhưng Công ty vẫn đạt được những kết quả tích cực và vượt qua khó khăn chung.

Chỉ số khả năng thanh toán



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 31/12/2021)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC	1	31.512.924	315.129.240.000	39,99%
II	CỔ ĐÔNG LỚN	4	46.213.676	462.136.760.000	58,65%
1	Trong nước	4	46.213.676	462.136.760.000	58,65%
	- Tổ chức	3	32.237.783	322.377.830.000	40,91%
	- Cá nhân	1	13.975.893	139.758.930.000	17,74%
2	Nước ngoài	-	-	-	-
III	CỔ ĐÔNG KHÁC (CỔ ĐÔNG NHỎ LẺ)	-	1.073.400	10.734.000.000	1,36%
1	Trong nước	-	1.073.400	10.734.000.000	1,36%
2	Nước ngoài	-	-	-	-
	Tổng cộng	-	78.800.000	788.000.000.000	100%

Thông tin cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 78.800.000 cổ phiếu
 Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông
 Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu
 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có
 Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có
 Các chứng khoán khác: không có

Danh sách cổ đông lớn (tại ngày 31/12/2021)

STT	Tên cá nhân/ Tổ chức/ Người đại diện	Phân loại cổ đông		Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ CP năm giữ (%)	Ghi chú
		Cổ đông nhà nước	Cổ đông lớn			
I	CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC					
	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn NN (SCIC) Đại diện: Nguyễn Hùng Cường Nguyễn Văn Dũng	X		31.512.924	39,99%	
				22.059.047	27,99%	70%
				9.453.877	12,00%	30%
II	CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC					
1	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh Đại diện: Dương Tiến Dũng		X	12.502.601	15,87%	
				12.502.601	15,87%	
2	Công ty Cổ phần Golden Stream Đại diện: Võ Đức Việt			9.000.000	11,42%	
				9.000.000	11,42%	
3	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa Đại diện: Phan Đình Tân		X	10.735.182	13,62%	
				10.735.182	13,62%	
III	CỔ ĐÔNG THƯỜNG ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN (TRÊN 5.000.000 CP)					
1	Trương Thị Mỹ An		X	13.975.893	17,74%	



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Vì hoạt động của Lawaco gắn liền với việc khai thác và xử lý nước sạch nên nguồn nguyên vật liệu được Công ty sử dụng chủ yếu bao gồm một số hóa chất xử lý nước theo quy định phù hợp với tiêu chuẩn nước ăn uống như vôi, phèn, Clo, PAC, Soda,... Mặc dù các hóa chất này được sử dụng theo liều lượng cho phép nhưng không vì thế mà Lawaco coi nhẹ khâu bảo quản, Công ty luôn ý thức trong việc tránh lạm dụng các hóa chất này, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường sống xung quanh.

Do đặc thù ngành cấp thoát nước, các loại nguyên vật liệu được sử dụng trực tiếp để xử lý nước và sau đó cung cấp trực tiếp cho khách hàng (nước sinh hoạt) hoặc thải trực tiếp ra môi trường (nước thải sau khi xử lý và đạt tiêu chuẩn theo quy định). Vì vậy, nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất thường không được tái chế để sử dụng. Tổng lượng nguyên vật liệu công ty sử dụng để sản xuất trong năm 2021 như sau:

ĐVT: Đồng

STT	Nguyên vật liệu	Giá trị
1	Phèn	811.855.621
2	PAC	0
3	Soda	805.994.434
4	Clo	612.859.649
5	Vôi	0
6	Nhiên liệu	26.165.775
Tổng cộng		2.256.875.479

Vì một số yếu tố như Công ty có thể chủ động trong việc tìm kiếm nguyên vật liệu sản xuất cũng như giá thành của các nguyên vật liệu này tương đối ổn định nên những thay đổi trong giá nguyên vật liệu ít ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, khoản chi phí này đã được bao gồm trong giá thành sản phẩm nên những biến động này là không đáng kể. Tuy nhiên, vật liệu chính trong quá trình sản xuất là nguồn nước thô, phụ thuộc vào điều kiện thời tiết nên những tháng khô hạn làm giảm lượng nước cung cấp cho người tiêu dùng hoặc những tháng mưa lũ làm thay đổi chất lượng nước. Điều này tác động trực tiếp đến kết quả kinh doanh và công ty phải chi trả chi phí điện năng và hóa chất để xử lý chất lượng nguồn nước.

Tiêu thụ năng lượng

Điện năng và xăng dầu là hai nguồn nhiên liệu chủ yếu được Công ty sử dụng cho việc vận hành các hệ thống xử lý nước, máy bơm và cung cấp điện chiếu sáng cho khu vực nhà máy, văn phòng,... Nhận thức được tầm quan trọng của năng lượng đối với các hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty, Lawaco luôn quán triệt cán bộ, công nhân viên trong Công ty sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nhằm góp phần nâng cao năng suất hoạt động.

Bên cạnh đó, Công ty cũng chủ trương thực hiện các quy định chung của tỉnh liên quan đến việc sử dụng các trang thiết bị có dán nhãn Xanh, loại bỏ các trang thiết bị có hiệu suất thấp, đổi mới dây chuyền sản xuất, thay đổi thiết bị lạc hậu, hướng tới phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

Tiêu thụ nước

Lawaco là một doanh nghiệp khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch cho thành phố Đà Lạt và các đô thị trung tâm các huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (ngoại trừ thành phố Bảo Lộc, huyện Di Linh và thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, huyện Cát Tiên). Theo đó, Công ty ý thức được vai trò của nước sạch trong đời sống sinh hoạt cũng như sản xuất kinh doanh hằng ngày. Công ty xây dựng các nhà máy nước nhằm tập trung khai thác nước từ nguồn nước mặt thông qua các hồ trên địa bàn thành phố Đà Lạt như: hồ Than Thở, hồ Đankia – Suối Vàng, hồ Đa Thiện,...

Bên cạnh đó, Công ty còn có hệ thống các nhà máy nước trên các khu vực lân cận như Nhà máy nước Bảo Lâm, Lâm Hà, Đam Rông, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Đơn Dương với hệ thống giếng khoan, có vai trò khai thác nguồn nước ngầm phục vụ nhu cầu tiêu thụ nước trên địa bàn tỉnh. Mọi hoạt động khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch của Công ty đều được cấp phép bởi các cấp chính quyền có liên quan. Công ty đảm bảo khai thác nguồn nước hợp lý, có hiệu quả, tuân thủ các quy định về tài nguyên – môi trường.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Lawaco luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước liên quan đến việc đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng nước đầu vào cũng như đầu ra. Theo đó, hàng tuần Công ty đều đặn thực hiện việc lập, theo dõi, quản lý hồ sơ vệ sinh chất lượng nước theo đúng quy định.

Ngoài ra, Công ty tăng cường kiểm tra rủi ro thất thoát nước và không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu những rủi ro gây ra ô nhiễm ở khu vực sản xuất và các khu vực xung quanh. Công ty tích cực tham gia trồng rừng, tái tạo môi trường tại các khu vực nhà máy nước của Công ty góp phần bảo tồn và duy trì hệ sinh thái tài nguyên rừng, thực hiện nộp thuế tài nguyên, dịch vụ môi trường rừng và các loại thuế phí khác theo đúng quy định.

Trong những năm qua, công ty đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức người lao động và khuyến khích mọi người tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường. Lawaco luôn tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường và tự hào là doanh nghiệp luôn đi đầu, được các cơ quan ban ngành khen thưởng trong công tác tham gia, bảo vệ môi trường.



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động hiện tại của Công ty là: 369 người
Mức lương trung bình: 10.596.000 đồng/người/tháng.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Là một doanh nghiệp có vị thế hàng đầu trong lĩnh vực khai thác và cung cấp nước sạch cho toàn thành phố Đà Lạt cũng như các khu vực lân cận trên toàn tỉnh Lâm Đồng, Lawaco đã và đang tạo sinh kế cho người lao động có được công việc ổn định với thu nhập phù hợp. Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật nói chung cũng như Luật Lao động nói riêng, duy trì các chính sách phúc lợi hàng năm. Qua đó, thu nhập trung bình của người lao động những năm gần đây được cải thiện tích cực, công việc ổn định xuyên suốt, tinh thần gắn bó với doanh nghiệp được nâng cao. Bên cạnh đó, công tác đoàn thể cũng là một phần không thể thiếu được Lawaco đặc biệt quan tâm. Hàng tháng, công ty có sự kiện kết hợp cùng Chính quyền, công đoàn bình chọn xét thi đua, thăm hỏi nhân viên ốm đau, gặp khó khăn trong cuộc sống, qua đó hỗ trợ làm giảm thiểu khó khăn phần nào.

Trong năm 2021, Công đoàn Công ty đã thực hiện chức năng đại diện, bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của đoàn viên cũng như cán bộ, người lao động thông qua các hoạt động như:

- 15/01/2021: Tổ chức Hội nghị người lao động với 196 đại biểu người lao động tham dự, tiếp thu ý kiến đóng góp cũng như kiến nghị liên quan đến chế độ chính sách cho người lao động; Công khai mức trích nộp đoàn phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN,...; thống nhất thăm hỏi tử thân phụ mẫu của người lao động (từ 65 tuổi trở lên) nhân dịp quốc tế người cao tuổi,...
- Rà soát điều chỉnh và đã ban hành thỏa ước lao động tập thể có lợi hơn cho người lao động vào ngày 28/01/2021.
- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên trong năm 2021, Công ty tạm hoãn tổ chức học và thi nâng bậc nghề, kiểm tra sức khoẻ định kỳ cũng như tham quan nghỉ dưỡng.
- Tổ chức 100% người lao động được tiêm vacxin mũi 3; Test kiểm tra cho người lao động theo kế hoạch.
- 100% đoàn viên, người lao động được nhận tiền hỗ trợ thất nghiệp do BHXH chi trả trong tháng 11/2021 và được hướng dẫn cài đặt VssID của Công ty BHXH cho 100% người lao động.

Hoạt động đào tạo người lao động

Đào tạo nhân sự là một trong những chính sách quan trọng hàng đầu được Lawaco chú trọng triển khai phát triển. Công ty kết hợp xen kẽ nhiều chính sách đào tạo khác nhau theo những lộ trình, định hướng và đối tượng cụ thể khác nhau. Thông thường, đào tạo nhân sự được chia thành hai nhóm đối tượng, bao gồm: đối tượng nhân sự mới và đối tượng nhân sự nội bộ. Chính sách đào tạo nhân sự mới được tổ chức nhằm giúp các nhân viên mới nhanh chóng tiếp cận văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc cũng như các kỹ năng nghề nghiệp cụ thể,... Riêng đối với chính sách đào tạo nhân sự nội bộ, chính sách này được Công ty tổ chức nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công nhân viên trong Công ty, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của Lawaco.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Hiểu rõ cộng đồng, địa phương là nơi khởi nguồn của doanh nghiệp, do đó trong nhiều năm qua, Lawaco đã tạo việc làm cho các lao động tại địa phương, và không ngừng đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng.

Lâm Đồng cũng là tỉnh có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao, việc tiếp cận nguồn nước sạch đối với đồng bào thiểu số còn thấp. thấu hiểu những khó khăn trên, Lawaco luôn tìm mọi biện pháp tốt nhất để phát huy hơn nữa hiệu quả từ các công trình cấp nước nông thôn tập trung, đạt đến mục tiêu sử dụng hiệu quả, duy trì các công trình; tăng tỷ lệ đầu nối, sử dụng nước sạch, nước sinh hoạt có chất lượng đảm bảo. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao ý thức cộng đồng về sử dụng và bảo vệ nguồn nước sạch.



PHẦN 3: BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



- 01. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- 02. Tình hình tài chính**
- 03. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
- 04. Kế hoạch phát triển**
- 05. Báo cáo trách nhiệm với môi trường và xã hội**

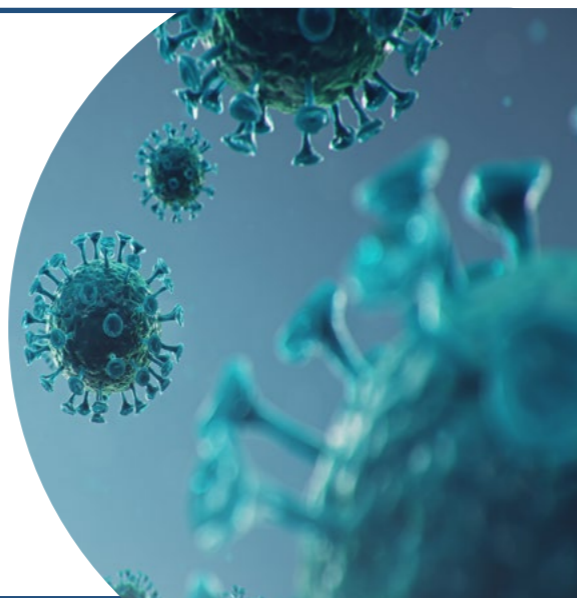
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021	TH 2021	% TH 2021/ KH 2021
Doanh thu thuần	Triệu đồng	258.758	233.902	90,39%
Tổng doanh thu	Triệu đồng	300.481	275.586	91,71%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	52.341	43.228	82,78%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	41.873	34.458	82,29%

Trong năm 2021, thế giới gặp rất nhiều khó khăn, thách thức do đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp. Trước thực trạng chung của nền kinh tế, Việt Nam cũng không tránh khỏi những tác động tiêu cực do ảnh hưởng của dịch bệnh.

Việc giãn cách xã hội kéo dài tại các địa bàn Công ty cung cấp nước cùng với việc thực hiện giảm giá nước cho dân theo văn bản số 6140/UBND-TL ngày 26/08/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng dẫn đến các chỉ tiêu kế hoạch mà Công ty đề ra trong năm 2021 đều không đạt. Cụ thể, tổng doanh thu trong năm 2021 chỉ đạt 275.586 triệu đồng, tương ứng 91,71% và doanh thu thuần chỉ đạt 90,39% so với kế hoạch đề ra.



Thuận lợi

- Nhờ sự chỉ đạo và những định hướng đúng đắn của Hội Đồng Quản trị đã giúp Ban Lãnh đạo Công ty đề ra những chiến lược hoạt động kịp thời và hiệu quả nhất, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong công tác quản trị và điều hành.
- Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng là một đơn vị cung cấp nước sạch cho hầu khắp các khu vực trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và cũng là đơn vị duy nhất cung cấp dịch vụ xử lý và thoát nước thải trên địa bàn tỉnh.
- Với trình độ quản lý công nghệ tiên tiến, công nghệ hiện đại ngang tầm với các Công ty cấp nước tại khu vực miền Trung – Tây Nguyên, Lawaco được đánh giá khả năng cao sẽ hội nhập với các Công ty lớn trong nước.
- Nước sạch là nguồn tài nguyên quý giá không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt cũng như sản xuất kinh doanh. Khi nền kinh tế càng phát triển, con người càng chú trọng đến vai trò của nước sạch đối với sức khỏe thì nhu cầu nước sạch lại càng cấp thiết hơn bao giờ hết.
- Với đội ngũ cán bộ quản lý – kỹ thuật lành nghề, dồi dào kinh nghiệm cũng là một lợi thế lớn để Lawaco tập trung phát triển dài hạn.

Hiện nay, số lượng người dân sống tại các khu đô thị ngày càng tăng cao đã dẫn đến quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, đặc biệt đối với thành phố Đà Lạt cũng như các đô thị trung tâm các huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Đô thị hóa lại càng diễn biến rõ rệt hơn nữa khi Đà Lạt đang trên đà phát triển trở thành trung tâm du lịch và nghỉ dưỡng mang tầm quốc tế. Quá trình đô thị hóa được xem như động lực phát triển đất nước nhưng cũng làm gia tăng khả năng ô nhiễm môi trường, chính vì thế xử lý và thoát nước thải đô thị là nhu cầu cấp thiết của các doanh nghiệp, là thị trường tiềm năng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khó khăn

- Hệ thống cấp thoát nước hiện nay vẫn còn nhiều mạng lưới đường ống cũ kỹ, được xây dựng từ lâu, gây khó khăn trong quá trình vận hành như rò rỉ đường ống dẫn đến tỷ lệ thất thoát nước cao, làm tăng chi phí và giảm lợi nhuận kinh doanh. Công ty đã và đang từng bước cải tạo thay thế một số tuyến ống trong hệ thống cấp thoát nước nhưng chưa triệt để, gây ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Nguồn nước phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, thường xuyên khô cạn vào mùa nắng như Hồ Chiến Thắng cung cấp nước thô cho NMN Xử lý nước Hồ Than Thở, Suối Đá Bảo - nhà máy xử lý nước D'Ran, các Trạm bơm giếng Bảo Lâm cạn dần dẫn đến công suất các trạm thấp, bình quân từ 10 đến trên dưới 25 m³/h và xảy ra hiện tượng thiếu nước, nguồn nước Thác 07 Tầng xã Đông Thanh-(NMN Nam Ban) thường xuyên thiếu nước vào mùa khô, trạm Tân Hà không có nước phải chờ thủy điện xả mới bơm được, nguồn nước có nguy cơ ô nhiễm bẩn như hồ Đan Kia-Suối Vàng.
- Lượng khách hàng tăng, nhu cầu sử dụng nước tăng trong khi hệ thống đường ống cấp nước còn bất cập như cũ, mục gây bể vỡ... đã ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ gây tác động đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng sâu rộng đến mọi mặt của nền kinh tế đã ảnh hưởng đến đối tượng khách hàng sử dụng nước giá cao (sản xuất, kinh doanh dịch vụ) và Công ty đang thực hiện giảm giá nước cho dân theo văn bản số 6140/UBND-TL ngày 26/08/2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng làm doanh thu bán hàng giảm, trong khi đó, chi phí đầu vào phục vụ cho sản xuất tăng cao. Điều này cũng ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

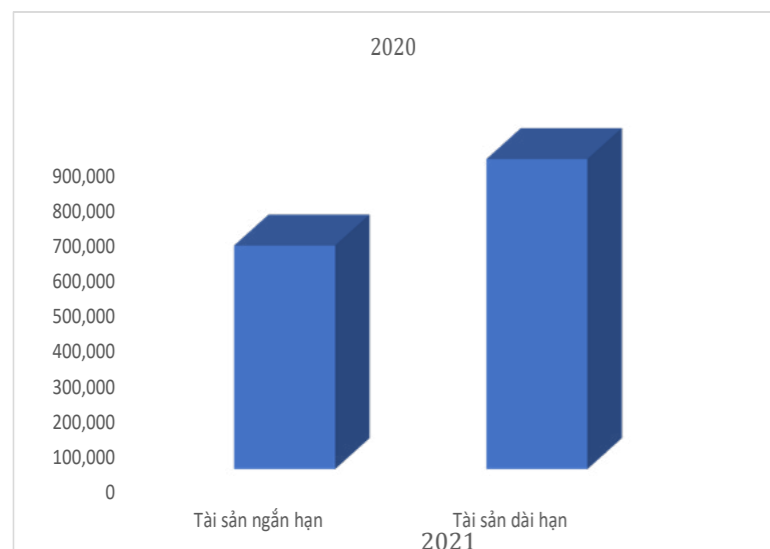


Tình hình tài sản

ĐVT: triệu đồng

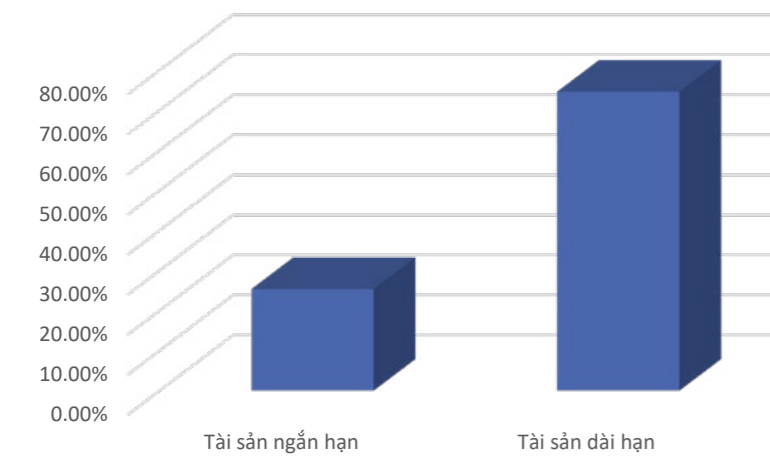
Chỉ tiêu	31/12/2021		01/01/2021		Thay đổi
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	370.557	25,37%	634.903	41,91%	-41,64%
Tài sản dài hạn	1.090.330	74,63%	880.170	58,09%	23,88%
Tổng tài sản	1.460.887	100	1.515.073	100%	-3,58%

Ngành cấp thoát nước là ngành nghề đòi hỏi mức độ thâm dụng vốn lớn, tài sản cố định là nền tảng chủ yếu phục vụ cho hoạt động khai thác, sản xuất, xử lý và cung cấp nước sạch cho các hộ dân cũng như các đơn vị có nhu cầu sử dụng nước. Các hoạt động này chủ yếu đến từ việc xây dựng các bể chứa nước, nhà máy nước, hệ thống xử lý nước, mạng lưới đường ống, dây chuyền sản xuất,... Chính vì thế, tài sản dài hạn luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản của doanh nghiệp.



Trong năm 2021, tài sản dài hạn của LDW chiếm 74,63% tổng tài sản, tương đương 1.090.330 triệu đồng, tăng 23,88% so với đầu năm 2021, nguyên nhân chủ yếu do đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tăng 7471,43%. Tài sản ngắn hạn đạt 370.557 triệu đồng, giảm 259.005 triệu đồng, tương ứng giảm 41,64% so với giá trị đầu kỳ, chủ yếu đến từ việc đầu tư ngắn hạn giảm 46,44%.

Theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng quản trị công ty, tiền thu được từ việc bán cổ phần được giữ lại để đầu tư phát triển Công ty. Hiện nay, số tiền này được gửi tại các Ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ 3 đến 18 tháng. Các khoản tiền gửi hiện đang hưởng mức lãi suất trong năm dao động từ 6,3% đến 7,15%.



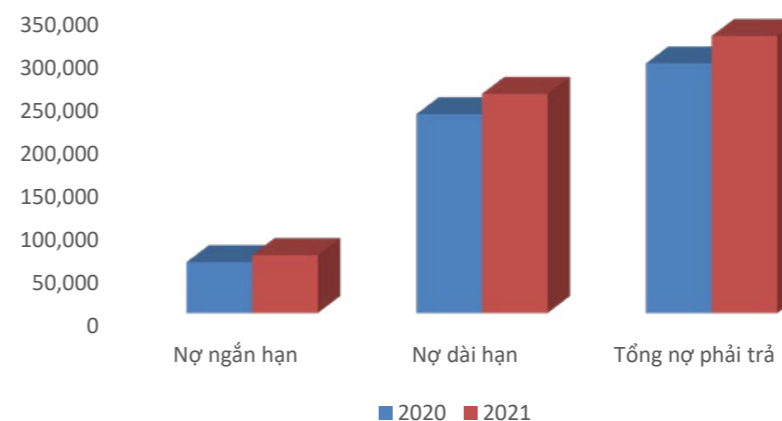
Tình hình nợ phải trả

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		01/01/2021		Thay đổi
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	59.069	20,38%	67.267	20,91%	-12,19%
Nợ dài hạn	230.775	79,62%	254.423	79,09%	-9,29%
Tổng nợ phải trả	289.844	100%	321.690	100%	-9,29%

Trong những năm qua, nợ dài hạn luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nợ của Công ty. Tính đến thời điểm 31/12/2021, tổng nợ phải trả năm 2021 đạt giá trị 289.844 triệu đồng, giảm 9,29% so với giá trị đầu kỳ. Trong đó nợ ngắn hạn đạt 59.069 triệu đồng, chiếm 20,38%, nợ dài hạn đạt 230.775 triệu đồng, chiếm 79,62%. Nhìn chung, tỷ trọng nợ trong năm 2021 không có nhiều thay đổi so với đầu kỳ 2021. Nợ ngắn hạn của Công ty giảm 12,19% so với giá trị đầu kỳ 2021, chủ yếu là quỹ khen thưởng, phúc lợi giảm 44,21% so với đầu kỳ, phải trả người lao động giảm 23,02%. Nợ dài hạn của công ty giảm 9,29%, trong đó quỹ phát triển khoa học và công nghệ giảm 47,25% so với đầu kỳ 2021.

Tình hình nợ phải trả



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH-QUẢN LÝ

- Trong thời gian qua, Lawaco không ngừng cải tiến thủ tục, cải tiến phương thức quản lý bằng công nghệ thông tin như: Chương trình quản lý công văn (phần mềm Portal Office), chương trình quét mã vạch (ĐTTN), đọc số bằng thiết bị cầm tay, thiết kế hồ sơ gắn mới, nâng, dời,... bằng phần mềm vi tính.
- Ngoài ra, Lawaco đang áp dụng hình thức thanh toán online giúp khách hàng có thêm lựa chọn thanh toán tiền nước, giảm thiểu thời gian di chuyển, tiết kiệm chi phí. Hiện nay, Công ty ứng dụng phần mềm GIS (hệ thống thông tin địa lý) để hệ thống toàn bộ cơ sở dữ liệu nền cho công tác quản lý.
- Bên cạnh đó, các thiết bị phục vụ cho công tác giảm nước không doanh thu đều được công ty lựa chọn cẩn thận, nhập từ các nước tiên tiến như Mỹ, Thụy Sĩ, Anh quốc ... nhằm đảm bảo chất lượng và hiệu quả sử dụng cho công việc.
- Công ty đã trang bị máy phát điện dự phòng cho nhà máy nước Đan Kia Suối Vàng để đảm bảo nước được cung cấp cho các hộ dân, doanh nghiệp liên tục, không thiếu hụt nước.
- Công ty đã triển khai mô hình giao dịch “một cửa” nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, tiếp nhận hồ sơ, phản hồi thông tin của khách hàng cũng như giải đáp thắc mắc, khiếu nại của khách hàng để dần tạo lòng tin cho khách hàng và nâng cao thương hiệu, vị thế của Lawaco.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Năm 2022	
				Kế hoạch 2022	Tỷ lệ % 2022/2021
1	Nước sản xuất	1.000 m ³	22.385	22.775	101,74
1.1	Nước Công ty sản xuất	1.000 m ³	12.619	10.730	85,03
1.2	Nước mua Sài Gòn Đankia	1.000 m ³	9.766	10.585	108,39
1.3	Nước mua Tuyên Lâm	1.000 m ³		1.460	
2	Nước ghi thu - tiêu thụ	1.000 m ³	17.451	18.313	104,94
3	Tỷ lệ thất thoát	%	22,04	20	88,88
4	Tỷ lệ tồn thu		<1	≤1	
5	Phát triển khách hàng	Đầu nối	4.590	3.430	74,73
6	Giá bán bình quân	Đồng/m ³	11.938	12.058	101,01
7	Tổng số khách hàng	Hộ	86.493	89.923	
8	Kiểm định TLK	Cái	17.339	19.636	113,25
9	Kiểm tra quy chế hộ khách hàng	Hộ	14.945	15.000	100,37
II	TỔNG DOANH THU (1+2+3)	Triệu đồng	275.586	289.276	104,97
1	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	Triệu đồng	233.902	247.169	105,67
1.1	Kinh doanh nước sạch	Triệu đồng	208.323	220.822	106
1.2	Xây dựng, lắp đặt HTCN	Triệu đồng	9.080	9.352	103
1.3	Xử lý nước thải	Triệu đồng	14.467	14.901	103
1.4	Khác	Triệu đồng	2.032	2.093	103
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	41.346	41.759	101
3	Doanh thu hoạt động khác	Triệu đồng	338	348	103



STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Năm 2022	
				Kế hoạch 2022	Tỷ lệ % 2022/2021
III	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (1+2+3)	Triệu đồng	43.228	46.332	107,18
1	Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh	Triệu đồng	2.930	4.372	149,22
1.1	Kinh doanh nước sạch	Triệu đồng	-357	1000	
1.2	Xây dựng, lắp đặt HTCN	Triệu đồng	1.374	1.415	103
1.3	Xử lý nước thải	Triệu đồng	1.334	1.361	102
1.4	Khác	Triệu đồng	579	596	103
2	Lợi nhuận hoạt động tài chính	Triệu đồng	41.346	41.759	101
3	Lợi nhuận hoạt động khác	Triệu đồng	-1048	200	
IV	TỔNG QUỸ TIỀN LƯƠNG	Triệu đồng	47.428	49.025	103,34
1	Tổng quỹ tiền lương CBCNV	Triệu đồng	45.608	47.133	103,34
-	Quỹ lương sản xuất nước	Triệu đồng	30.638	31.864	104
-	Quỹ lương xây dựng cơ bản ống cái	Triệu đồng	2.509	2.559	102
-	Quỹ lương ống nhánh khách hàng chi trả	Triệu đồng	3.517	3.587	102
-	Quỹ lương xử lý nước thải	Triệu đồng	8.944	9.123	102
2	Tổng quỹ tiền lương ban điều hành	Triệu đồng	1.820	1.893	104

Trước thực tế dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp trong những năm trở lại đây, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng đã tìm ra những biện pháp để thích ứng với tình hình chung.

- Theo đó, Công ty đang từng bước đổi mới cách thức vận hành, quản trị lao động nhằm hướng tới mục tiêu tối đa hóa năng suất làm việc. Lawaco tiếp tục giữ vững truyền thống “lấy con người làm gốc rễ”, tập trung xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, thay đổi phương thức làm việc mới sau thời kỳ dịch bệnh, thích ứng năng động với tình hình thực tế chung, hoàn thành tiến độ công việc được đề ra nhưng vẫn đảm bảo an toàn cho người lao động.
- Bên cạnh đó, Công ty cũng đưa ra những kế hoạch tuyển dụng phù hợp, đảm bảo bổ sung kịp thời và đáp ứng nhu cầu điều kiện làm việc, phù hợp với những thay đổi trong môi trường kinh doanh ngày càng phát triển.
- Thay đổi cách tiếp nhận và xử lý quy trình làm việc bằng công nghệ mới, điều này giúp tinh gọn và đơn giản hóa quy trình, tăng khả năng xử lý của doanh nghiệp, giảm thời gian tối đa cho nhân viên hoạt động, tăng cường công tác phối hợp giữa các phòng ban để nâng cao hiệu quả công việc.
- Đẩy mạnh hoạt động marketing, đơn giản hóa các thủ tục, thiết lập dịch vụ xử lý nhanh yêu cầu của khách hàng. Hoạt động marketing rất quan trọng đối với công ty nhằm nâng cao hình ảnh thương hiệu Lawaco và từng bước tham gia mở rộng thị phần sang các khu vực lân cận, phát triển đầu nối mới vào hệ thống cấp và thoát nước của công ty, kiểm soát hệ thống đường ống để giảm và chống thất thoát nước, bảo vệ nguồn nước và hệ thống cấp nước.



BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật đối với người lao động. Công ty luôn hướng đến việc mở rộng cơ hội, tạo điều kiện cho CBCNV phát huy hết khả năng của mình, được học hỏi để nâng cao kiến thức chuyên môn, chia sẻ nguyện vọng và đóng góp ý kiến để giải quyết công việc hiệu quả hơn.

Ngoài ra Công ty luôn duy trì chính sách khen thưởng, phúc lợi đều đặn nhằm giữ chân và thu hút người tài, tổ chức thăm hỏi và tặng quà hỗ trợ CBCNV vào những dịp lễ, Tết nhằm chung tay góp sức cải thiện đời sống CBCNV và tạo tính đoàn kết giữa lãnh đạo và người lao động. BCH Công đoàn cơ sở của Công ty luôn quan tâm, giúp đỡ CBCNV để cùng nhau san sẻ khó khăn của người lao động.

Đánh giá liên quan các chỉ tiêu môi trường

Ô nhiễm môi trường luôn là một chủ đề được các quốc gia trên thế giới đặc biệt quan tâm. Vấn đề này lại càng trở nên cấp bách hơn đối với những doanh nghiệp sản xuất, những chủ thể có tác động trực tiếp tới hệ sinh thái môi trường. Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác, sản xuất, cung cấp và xử lý nước, Lawaco hiểu rõ trách nhiệm của mình đối với môi trường xung quanh.

Cụ thể, Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về tài nguyên nước, thực hiện tốt các quy định về xử lý chất thải, định kỳ kiểm tra chất lượng nguồn nước thô, mọi hoạt động khai thác nước đều được các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Bên cạnh đó, Lawaco luôn phối hợp với chính quyền địa phương để đảm bảo các hộ dân trên toàn tỉnh trong vùng cấp nước của Công ty có nước sạch để dùng, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống cũng như sức khỏe của người dân.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Ngoài mục tiêu lợi nhuận, công ty còn xác định trách nhiệm đối với xã hội là mục tiêu phát triển trong chiến lược kinh doanh lâu dài của công ty.

Trong những năm qua, công ty tham gia các hoạt động từ thiện hướng về cộng đồng nhằm chung tay góp phần phát triển một cuộc sống tốt hơn của người dân như thăm và tặng quà cho các Mẹ Việt Nam Anh Hùng, ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt, ủng hộ chiến sĩ vùng biển đảo.



PHẦN 4: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- 01. Về các mặt hoạt động của Công ty**
- 02. Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**
- 03. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2021	TH 2021	%TH 2021/ KH 2021
1	Doanh thu thuần	258.758	233.902	90,39%
2	Tổng doanh thu	300.481	275.586	91,71%
3	Lợi nhuận trước thuế	52.341	43.228	82,59%
4	Lợi nhuận sau thuế	41.873	34.458	82,29%

Năm 2021, với những khó khăn từ tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp trên toàn quốc, LDW cũng chịu tác động tiêu cực khi hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch mà Công ty đề ra đều không thể hoàn thành như kỳ vọng ban đầu. Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm qua, tổng doanh thu của Công ty đạt 91,71% so với kế hoạch đề ra, doanh thu thuần của Công ty chỉ đạt 90,39% so với kế hoạch, cùng với đó, lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt chỉ đạt 82,59% và 82,29% so với kế hoạch.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- HĐQT đã phân công cho từng thành viên không điều hành giám sát một số lĩnh vực trọng yếu, thành viên điều hành giám sát lĩnh vực không thuộc quyền điều hành của mình. Các thành viên được phân công đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, báo cáo kịp thời tại các cuộc họp HĐQT trong năm.
- Trong năm 2021, mặc dù tình hình kinh doanh không mấy khả quan nhưng Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực trong công tác lãnh đạo, báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ hàng quý và 6 tháng để kịp thời triển khai thực hiện các giải pháp tích cực phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông nhằm đem lại lợi ích cho cổ đông và góp phần giải quyết nhu cầu nước sạch của người dân trên địa bàn quản lý.
- Công ty tiến hành rà soát hệ thống quy phạm nội bộ, qua đó đã ban hành mới Quy chế Công bố thông tin, điều chỉnh Điều lệ Công ty, Quy chế Hoạt động của HĐQT, Quy chế Quản trị nội bộ Công ty nhằm đảm bảo tính ổn định, phù hợp với tình hình quản trị tại Công ty, vừa đáp ứng được các quy định của Luật hiện hành.



PHẦN 5: BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY



01. Hội đồng quản trị

02. Ban kiểm soát

03. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị (tính đến ngày 31/12/2021)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu và đại diện	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT	Đại diện: 10.735.182 Cá nhân: 0	13,62%
2	Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Đại diện: 22.059.047 Cá nhân: 0	27,99%
3	Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên HĐQT không điều hành	Đại diện: 12.502.601	15,87%
4	Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0,00%
5	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	Đại diện: 9.453.877 Cá nhân: 3600	12,00046%

Ông Phan Đình Tân

Trình độ chuyên môn: Quản lý kinh tế Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT

Đại diện sở hữu: Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa 10.735.182 cổ phiếu (chiếm 13,62% vốn điều lệ)

Quá trình công tác

- 1972 - 1975: Cán bộ Đội công tác thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
- 1975 - 1976: Ủy viên thư ký UBND thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
- 1976 - 1979: Học viên Trường Quản lý Kinh tế tỉnh Nghĩa Bình.
- 1980 - 1990: Cán bộ Công ty Liên hiệp Thủy sản tỉnh Nghĩa Bình.
- 1990 - 2003: Phó Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Cầu.
- 2003 - nay: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Cầu.
- 2001 - 2002: Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á.
- 2003: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á.
- 2004 - 2013: Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á.
- 2014: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á.
- 2015: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á.
- 2015 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
- 2018 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Ông Dương Tiến Dũng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành sinh vật Chức vụ hiện nay: thành viên HĐQT không điều hành

Đại diện sở hữu: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh 12.502.601 cổ phiếu (15,87% vốn điều lệ)

Quá trình công tác

- 1978 - 2014: Giảng viên, Trưởng bộ môn sinh thái khoa sinh học Đại học Khoa học Tự nhiên thuộc ĐHQG TP.HCM.
- 2014 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh.
- 2017 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
- 06/2018 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Ông Trần Quốc Hùng

Trình độ chuyên môn: Quản trị Kinh doanh. Chức vụ hiện nay: thành viên HĐQT không điều hành

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

Quá trình công tác

- 1991 - 2000: Nhân viên Khách sạn Dalat Palace & Du Parc Dalat thuộc Công ty Cổ phần Hoàng Gia Đà Lạt.
- 2000 - 04/2013: Phụ trách kinh doanh Sân Golf Long Thành, Đồng Nai.
- 05/2013: Giám đốc điều hành Sân Golf Đà Lạt, đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Hoàng Gia Đà Lạt.
- 01/2016 - 2018: Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Giám đốc điều hành Sân Golf Công ty Cổ phần Hoàng Gia Đà Lạt.
- 06/2018 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Ông Nguyễn Hùng Cường - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Xem tại lý lịch Ban điều hành

Ông Nguyễn Văn Dũng - Thành viên HĐQT: Xem tại lý lịch Ban điều hành

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự	Ghi chú
1	Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT	6/6	100%	
2	Nguyễn Hùng Cường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.	6/6	100%	
3	Trần Quốc Hùng	Thành viên HĐQT không điều hành	6/6	100%	
4	Dương Tiến Dũng	Thành viên HĐQT không điều hành	6/6	100%	
5	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	3/6	50%	Được bầu bổ sung ngày 28/04/2021.
6	Võ Quốc Trang	Thành viên HĐQT	0/6	0%	Nghỉ việc từ tháng 8/2020 đến 28/04/2021 miễn nhiệm



Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết số: 01/2020/NQ-HĐQT	09/02/2021	Thông qua kế hoạch thực hiện ĐHCĐ 2021 1. Thông qua các số liệu thực hiện năm 2020 để trình ĐHCĐ 2021. 2. Thông qua các chỉ tiêu chính của Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 để trình ĐHCĐ 2021. 3. Giao cho Ban Điều hành đánh giá lại hệ số an toàn cấp nước cho thành phố Đà Lạt. 4. Giao cho Tổng giám đốc ("TGD") 100% thương thảo với Công ty Cổ phần Cấp nước Tuyên Lâm về việc cho thuê tuyến ống DN 300. 5. Giao TGD tiếp tục đánh giá Phương án chống thất thoát, thất thu nước và xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai những bước tiếp theo. 6. Thực hiện đánh giá hiệu quả việc khai thác nước tại NMN Phát Chi. 7. Đồng ý tạm hoãn việc chi trả lãi phát sinh từ tài khoản phong tỏa trong thời điểm cổ phần hóa để xin ý kiến các cơ quan hữu quan. 8. Triển khai nhanh việc đánh giá các mô hình công ty để thực hiện việc tái cấu trúc lại Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả. 9. Giao Thư ký công ty phối hợp với BĐH, Phòng chức năng xây dựng phương án phân phối tiền lương năm 2020 của BĐH và đề xuất hệ số phân phối phù hợp cho năm 2021. 10. Giao cho Thư ký công ty phối hợp với Phòng chức năng xây dựng lại mức thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát ("BKS") phù hợp với quy mô hoạt động SXKD của công ty, trách nhiệm đối với từng thành viên. 11. Giao cho TGD triển khai điều chỉnh Nội quy lao động công ty. 12. Giao cho Thư ký công ty phối hợp với BKS, BĐH rà soát điều chỉnh bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS Công ty.
2	Nghị quyết số: 02/2021/NQ-HĐQT	22/02/2021	1. TGD phối hợp với BKS, Thư ký công ty hoàn thiện các nội dung về đánh giá mô hình công ty; điều chỉnh Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS Công ty. 2. BĐH tiếp tục triển khai, mở rộng phạm vi chống thất thoát, thường xuyên báo cáo HĐQT cụ thể, chi tiết kịp thời. 3. Thống nhất Phương án phân phối tiền lương năm 2020 của BĐH và hệ số phân phối tiền lương của BĐH áp dụng cho năm 2021, cho ban hành. 4. Đồng ý dự thảo mức thù lao, tiền thưởng của HĐQT, BKS giao cho Thư ký công ty lập Tờ trình trình ĐHCĐ 2021. 5. Đồng ý dự thảo mức tiền lương của Trưởng BKS giao cho Thư ký công ty lập Tờ trình trình ĐHCĐ 2021. 6. Đồng ý cho tiếp tục triển khai Dự án xây dựng Nhà máy nước Phát Chi.
3	Nghị quyết số: 03/2021/NQ-HĐQT	15/03/2021	1. Dừng thử nghiệm mô hình phân khu cấp nước và áp dụng mô hình Đội Ghi thu từ ngày 01/06/2021; đề nghị TGD đánh giá mô hình tổ chức toàn Công ty hiện nay và đề xuất phương án sắp xếp hợp lý hơn.
4	Nghị quyết số: 04/2021/NQ-HĐQT	22/05/2021	



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
5	05/2021/NQ- HĐQT	08/09/2021	<p>Xem xét việc thực hiện Nghị quyết lần 4:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đánh giá mô hình tổ chức toàn Công ty.- Kết quả làm việc với Công ty cổ phần Tuyền Lâm.- Kết quả chương trình chống thất thoát, thất thu.- Tiến độ triển khai các công việc còn lại của Dự án xây dựng Nhà máy nước Phát Chi.- Kết quả sửa đổi hoặc ban hành mới các văn bản nội bộ được điều chỉnh bởi các Bộ luật mới được ban hành.- Báo cáo kết quả đại hội của DILIWACO và DUCTRONGWACO. <p>Xem xét Báo cáo 6 tháng đầu năm 2021 của Ban điều hành:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tỷ lệ thất thoát tại Đà Lạt khá tốt tuy nhiên tại các nhà máy huyện quá cao làm ảnh hưởng tới tỷ lệ thất thoát chung.- Về điều chỉnh giảm giá nước: căn cứ văn bản số 5257/VPCP ngày 01/08/2021 về việc giảm giá nước sinh hoạt và văn bản số 5534/UBND-TL ngày 05/08/2021 về việc giảm giá nước sinh hoạt.- Kết quả công tác phòng chống dịch Covid - 19.
6	06/2021/NQ- HĐQT	27/12/2021	<p>Quy chế Công bố thông tin: Thống nhất thông qua; Về Quy chế Quản lý tài chính:</p> <p>2.1 Đồng ý chỉnh sửa các chi tiết về lỗi chính tả như góp ý; 2.2 Bổ sung, sửa đổi dự thảo quy chế các nội dung sau: điểm 1.1; 1.2 Khoản 1, Điều 11; Khoản 2, Điều 11; Khoản 3, Điều 16; Khoản 1, Khoản 2, Điều 17; Khoản 1, Khoản 2 Điều 24; Khoản 2, Điều 26; Khoản 2, Điều 41; Điểm 2 Điều 47.</p> <p>1. Giao Phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty phối hợp với BDH hoàn thiện các quy chế trình Chủ tịch phê duyệt, ban hành.</p>
Quyết định			
1	01/2021/QĐ- HĐQT	07/04/2021	Phê duyệt phương án phân phối tiền lương năm 2020 của Ban Điều hành Công ty.
2	02/2021/QĐ- HĐQT	07/04/2021	Điều chỉnh mức lương cho Ban Điều hành công ty.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành

Trong năm qua, các thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành đã tích cực đóng góp, đề xuất đưa ra ý kiến góp phần định hướng công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Không có



Danh sách thành viên Ban kiểm soát (tính đến ngày 31/12/2021)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu và đại diện	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng Ban kiểm soát	Cá nhân: 1.200	0.001522%
2	Trần Văn Thuận	Thành viên Ban kiểm soát	0	0.00%
3	Trần Thị Thủy	Thành viên Ban kiểm soát	0	0.00%



Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán,
Thạc sỹ ngân hàng

Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát

Sở hữu cá nhân: 1.200 cổ phiếu (0,01522% vốn điều lệ)

Quá trình công tác

- 2004 - 06/2017: Kế toán Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- 07/2017 - 06/2018: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- 06/2018 - nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.



Ông Trần Văn Thuận

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
Doanh nghiệp

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

Quá trình công tác

- 11/2009 - 10/2011: Kế toán tổng hợp tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Constrexim Số 16.
- 11/2011 - 07/2014: Chuyên viên Kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Tập đoàn Quang Minh.
- 08/2014 - nay: Chuyên viên Kiểm soát Tài chính Công ty Cổ phần Quản lý đầu tư Quốc tế.
- 06/2019 - nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng



Bà Trần Thị Thủy

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán;
Cử nhân Anh Văn

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

Quá trình công tác

- 1998 - 2007: Chuyên viên Công ty 508 - Tổng Công ty Xây dựng công trình Giao thông 5.
- 2008 - 2017: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy.
- 2018 - cuối 2019: Phó phòng Kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Hoàng Gia Việt Nam.
- Cuối 2019 - nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vietnamsolar.
- 09/06/2020: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

EMPLOYMENT

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng Ban kiểm soát	5/5	100%
2	Trần Văn Thuận	Thành viên Ban kiểm soát	5/5	100%
3	Trần Thị Thủy	Thành viên Ban kiểm soát	5/5	100%



Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

- **Giám sát đối với HĐQT**
 - HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ đúng theo Điều lệ Công ty.
 - Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã tổ chức 5 phiên họp định kỳ, ban hành 06 Nghị quyết và 08 Quyết định điều hành hoạt động của Công ty. Trong các kỳ họp, các thành viên đã đưa ra các ý kiến định hướng, chủ đạo các chủ trương, triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ và Quy định của Pháp luật.
- **Giám sát đối với Ban Điều hành:**

Ban Điều hành đã cơ bản thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Chủ động lập kế hoạch, quản lý điều hành, sử dụng vốn, tài sản, phân công trong Ban Điều hành để chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh.
- **Giám sát đối với cổ đông:**

BKS chưa nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

- Trong năm 2021, sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, BĐH, và các bộ phận quản lý khác đã duy trì được mối quan hệ, công tác thường xuyên trên nguyên tắc vì lợi ích cổ đông và tuân thủ các quy định Pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ Công ty.
 - Tham gia ý kiến trong Nghị quyết của HĐQT
 - Phối hợp BĐH rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy định về tiền lương, xây dựng cơ bản. Góp ý kiến trong công tác quản lý: tài chính, hạch toán kế toán, kho vật tư, xử lý các khoản nợ khó đòi...
- Ngoài ra, BKS còn có các hoạt động:
- Kiểm tra, báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng cuối năm 2020
 - Kiểm tra, báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2021
 - Thẩm định Báo cáo tài chính quý 1,2,3,4 năm 2021
 - Ban hành Quy chế hoạt động của BKS
 - Lựa chọn 3 đơn vị kiểm toán trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
 - Phân công nhiệm vụ từng thành viên BKS.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thù lao	Ghi chú
1	Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT	575.979.553	
2	Nguyễn Hùng Cường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.302.491.045	Bao gồm lương Ban TGD
3	Dương Tiến Dũng	Thành viên không điều hành HĐQT	257.362.131	
4	Trần Quốc Hùng	Thành viên không điều hành HĐQT	257.362.131	
5	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	859.516.743	Bao gồm lương Ban TGD
6	Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng Ban kiểm soát	433.640.848	
7	Trần Văn Thuận	Thành viên Ban kiểm soát	156.228.138	
8	Trần Thị Thủy	Thành viên Ban kiểm soát	138.253.914	

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

- HĐQT sẽ từng bước xây dựng và hoàn thiện các Quy trình, quy chế quản trị theo hướng chuyên trách nhằm tăng cường công tác quản trị tại Công ty, nâng cao vai trò từng thành viên HĐQT để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động nhằm tối đa lợi ích của cổ đông.
- Công ty không ngừng áp dụng các biện pháp cải tiến và hoàn thiện công tác tổ chức, bố trí nhân sự phù hợp, tập trung sắp xếp củng cố bộ máy quản lý đủ mạnh để thực hiện nhiệm vụ phát triển của công ty.
- Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường nâng cao kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty theo thông báo của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán, và các cơ quan liên quan. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2021



01. Ý kiến kiểm toán viên

02. Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 2 tháng 3 năm 2022, từ trang 4 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 8 tháng 3 năm 2021.



Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2178-2018-072-1

Phạm Thị Toan
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2767-2019-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		370.557.462.116	634.902.994.649
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		25.231.261.916	16.851.512.009
1. Tiền	111	V.1	25.231.261.916	16.851.512.009
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		278.844.000.000	561.667.893.764
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.10	278.844.000.000	561.667.893.764
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.514.489.337	38.617.064.327
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	28.938.000.131	8.199.493.478
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	4.330.047.300	4.609.749.456
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	29.438.718.187	27.015.200.324
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(5.192.276.281)	(1.255.341.957)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	47.963.026
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	8.967.710.863	17.637.229.791
1. Hàng tồn kho	141		10.377.310.508	18.883.968.981
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.409.599.645)	(1.246.739.190)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	129.294.758
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	129.294.758



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.090.329.697.386	880.169.878.497
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		228.036.580	728.036.580
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	228.036.580	728.036.580
II. Tài sản cố định	220		780.761.085.616	838.765.959.896
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	779.236.069.422	837.204.934.348
- Nguyên giá	222		1.481.084.102.813	1.476.281.306.408
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(701.848.033.391)	(639.076.372.060)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.525.016.194	1.561.025.548
- Nguyên giá	228		2.003.591.000	2.244.417.842
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(478.574.806)	(683.392.294)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.952.760.520	2.563.393.065
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	7.952.760.520	2.563.393.065
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	276.125.252.238	14.625.252.238
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11.125.252.238	11.125.252.238
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		265.000.000.000	3.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		25.262.562.432	23.487.236.718
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	17.826.641.383	23.487.236.718
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.12	7.435.921.049	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.460.887.159.502	1.515.072.873.146

17712
 CÔNG TY
 CẤP THOÁT NƯỚC
 LÂM ĐỒNG
 1/11-T

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021 (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		289.844.112.386	321.689.810.730
I. Nợ ngắn hạn	310		59.069.135.673	67.267.077.245
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	12.818.767.448	14.362.553.841
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.207.665.636	639.836.979
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	3.829.608.622	4.558.975.852
4. Phải trả người lao động	314		9.709.869.871	12.613.913.907
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	2.949.634.444	3.054.479.986
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	1.371.417.072	1.377.678.277
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	22.793.678.241	22.793.678.242
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	4.388.494.339	7.865.960.161
II. Nợ dài hạn	330		230.774.976.713	254.422.733.485
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	490.687.935	513.152.274
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	229.862.378.815	253.109.750.298
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		421.909.963	799.830.913
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.171.043.047.116	1.193.383.062.416
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	875.708.359.169	874.102.467.093
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		788.000.000.000	788.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		788.000.000.000	788.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.512.122.705	28.512.122.705
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.200.937.430	543.607.360
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.206.383.925	7.066.214.231
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.458.390.737	38.649.998.425
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		34.458.390.737	38.649.998.425
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		11.330.524.372	11.330.524.372
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		295.334.687.947	319.280.595.323
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.21	295.334.687.947	319.280.595.323
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.460.887.159.502	1.515.072.873.146

Trần Thị Tuyết Ngọc
 Người lập biểu

Bùi Hoàng Trường Vi
 Kế toán trưởng

Nguyễn Hùng Cường
 Tổng Giám đốc



Lâm Đồng, ngày 2 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2021	2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	233.902.460.940	251.220.784.397
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		233.902.460.940	251.220.784.397
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	196.493.363.089	204.184.981.992
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		37.409.097.851	47.035.802.405
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	41.346.042.816	43.233.715.438
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16.651.101.221	18.018.623.769
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.651.101.221	18.018.623.769
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	5.199.156.890	5.466.010.669
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12.628.591.222	15.369.360.695
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		44.276.291.334	51.415.522.710
11. Thu nhập khác	31	VI.7	337.612.530	3.606.532.485
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.385.836.820	5.479.208.710
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(1.048.224.290)	(1.872.676.225)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		43.228.067.044	49.542.846.485
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	8.769.676.307	10.892.848.060
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		34.458.390.737	38.649.998.425
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	332	332

Trần Thị Tuyết Ngọc
Người lập biểu

Bùi Hoàng Trường Vĩ
Kế toán trưởng

Nguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 2 tháng 3 năm 2022



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2021	2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	254.120.889.154	273.667.777.441
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(114.566.621.856)	(126.600.575.799)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(45.728.732.320)	(46.440.662.840)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(16.790.663.453)	(18.215.313.404)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(9.805.745.544)	(9.088.801.101)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.441.190.830	398.078.117
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(45.738.122.315)	(39.217.174.135)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	23.932.194.496	34.503.328.279
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.687.896.962)	(14.158.580.255)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	3.023.672.964
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(562.344.000.000)	(301.828.616.438)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	562.233.353.993	295.171.397.285
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	41.438.343.928	25.657.961.711
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	27.639.800.959	7.865.835.267
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(22.793.698.628)	(22.793.678.226)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.398.546.920)	(19.040.192.876)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(43.192.245.548)	(41.833.871.102)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	8.379.749.907	535.292.444
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	16.851.512.009	16.316.219.565
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	25.231.261.916	16.851.512.009

Trần Thị Tuyết Ngọc
Người lập biểu

Bùi Hoàng Trường Vĩ
Kế toán trưởng

Nguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 2 tháng 3 năm 2022



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng (doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước), được thành lập theo Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt lộ trình sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 8 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt cơ cấu vốn khi chuyển sang doanh nghiệp cổ phần.

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000174 ngày 22 tháng 6 năm 2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp và được cập nhật thay đổi vào ngày 7 tháng 5 năm 2021 do đăng ký bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty là 788.000.000.000 đồng, được chia thành 78.800.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại số 50 Hùng Vương, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh là: Lam Dong Water Supply and Sewerage Joint Stock Company, tên viết tắt là: Lawaco.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại sàn chứng khoán Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu: LDW.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 363 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 373 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp; tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công trình cấp thoát nước; giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi; lập dự án đầu tư xây dựng công trình; thẩm tra dự án đầu tư; đánh giá tác động môi trường; thiết kế dự toán xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; thi công xây dựng công trình cấp thoát nước, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng, vườn sinh thái; sản xuất và kinh doanh dịch vụ, vật tư ngành nước; kinh doanh dịch vụ du lịch tham quan, nghỉ dưỡng; quy hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước; tư vấn lập quy hoạch, xây dựng hệ thống cấp thoát nước, tư vấn lập hồ sơ mời thầu, xét thầu, tư vấn quản lý dự án; khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp; xử lý nước thải; thi công xây dựng công trình cấp thoát nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc của Công ty bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy nước Lâm Hà	Thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Bảo Lâm	Thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đạ Tẻh	Khu phố 6A, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đơn Dương	Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đạ Huoai	Thị trấn Mađaguôi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đam Rông	Thị trấn Bằng Lũng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp xử lý nước thải	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp tư vấn cấp thoát nước	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp xây lắp cấp thoát nước	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp Quản lý thủy lượng kế	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào hai (02) công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	Tỉnh Lâm Đồng	37,01%	37,01%	Khai thác, kinh doanh nước sạch
2. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	Tỉnh Lâm Đồng	32,10%	32,10%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Các thiết bị, vật tư, phụ tùng được dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường cho mục đích thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản cố định được ghi nhận là tài sản dài hạn.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10
Tài sản cố định khác	4 - 25

Các tài sản cố định hữu hình của Công ty được đánh giá lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của chương trình phần mềm, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng được cấp.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm hệ thống đường ống nhánh, lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Hệ thống đường ống nhánh

Chi phí Công ty bỏ ra để đầu tư hệ thống đường ống nhánh được ghi nhận như một khoản chi phí trả trước dài hạn, phân bổ theo định mức với đơn giá 297 đồng/m³ ghi thu theo quy định về cơ cấu giá thành sản xuất nước do Sở Tài chính và Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành.

Đối với phần giá trị tăng thêm của hệ thống đường ống nhánh khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, Công ty thực hiện phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích 10 năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản chi phí trả trước (tiếp theo)

Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa

Phần chênh lệch tăng của vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ kế toán tại thời điểm cổ phần hóa được hạch toán như một khoản lợi thế kinh doanh của Công ty, được ghi nhận là tài sản dài hạn và phân bổ dần trong vòng 3 năm.

Công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí trả trước khác

Công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa không quá 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính tổng hợp dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu các khoản này được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản là số vốn thực tế được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp phục vụ cho việc đầu tư xây dựng cơ bản các công trình công ích. Khi công trình hoàn thành và nghiệm thu quyết toán, Công ty được ghi tăng tài sản cố định và nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định. Đây là các tài sản mà Công ty vận hành và quản lý thay cho Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ các khoản đầu tư tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Thông tin bộ phận

Doanh thu của Công ty chủ yếu là từ mảng kinh doanh, cung cấp nước sinh hoạt. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	146.348.534	69.771.824
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.084.913.382	16.781.740.185
Cộng	25.231.261.916	16.851.512.009
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/12/2021	01/01/2021
	VND	(Trình bày lại) VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh (i)	22.000.000.000	-
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt	1.719.872.407	1.774.726.599
Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng (ii)	3.628.863.931	5.340.719.021
Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt	477.446.691	477.446.691
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.111.817.102	606.601.167
Cộng	28.938.000.131	8.199.493.478
<i>(i) Đây là khoản phải thu từ hợp đồng chuyển nhượng 220 trái phiếu DCTCH2124001 với mệnh giá 100 triệu đồng do Công ty TNHH DCT Partners Việt Nam phát hành ngày 28 tháng 6 năm 2021.</i>		
<i>(ii) Đây là khoản phải thu về phí quản lý và vận hành nhà máy xử lý nước thải theo hợp đồng đã ký với Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng. Công ty đã thực hiện phân loại lại số dư đầu kỳ từ Khoản mục "Nguồn kinh phí" (mã số 431) sang Khoản mục "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" (mã số 131) để phản ánh phù hợp bản chất của hợp đồng (xem thêm Thuyết minh VII.2).</i>		
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Kỹ thuật U.S	3.906.852.300	3.906.852.300
Các nhà cung cấp khác	423.195.000	702.897.156
Cộng	4.330.047.300	4.609.749.456



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

4. Phải thu khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về lãi tiền gửi	22.177.861.068	23.991.941.065
Khoản phải thu Ban quản lý dự án thoát nước và xử lý nước thải (i)	3.688.211.187	-
Khoản phải thu Nhà nước về dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Đà Lạt (ii)	1.587.664.778	1.587.664.778
Thủ lao Hội đồng Quản trị chờ quyết toán	1.116.100.000	530.000.000
Các khoản phải thu khác	868.881.154	905.594.481
	29.438.718.187	27.015.200.324
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	228.036.580	728.036.580
	29.666.754.767	27.743.236.904

(i) Đây là khoản chi phí quản lý vượt định mức của Ban quản lý dự án thuộc dự án thoát nước và xử lý nước thải. Dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng thu hồi, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng toàn bộ giá trị cho khoản phải thu này.

(ii) Đây là khoản phải thu Nhà nước để thanh toán cho các gói thầu xây dựng hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Ngày 10 tháng 11 năm 2021, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ra quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án. Đến thời điểm cuối năm, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục để đề nghị Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Lâm Đồng bố trí nguồn vốn đối ứng để thanh toán cho các nhà thầu còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

5. Nợ xấu

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.337.065.094	-	1.092.073.232	3.731.275
Trả trước cho người bán ngắn hạn	167.000.000	-	167.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.688.211.187	-	-	-
Cộng	5.192.276.281	-	1.259.073.232	3.731.275

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Phải thu ngắn hạn của khách hàng VND	Trả trước cho người bán ngắn hạn VND	Phải thu ngắn hạn khác VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	1.088.341.957	167.000.000	-	1.255.341.957
Trích lập dự phòng trong năm	312.551.336	-	-	312.551.336
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(63.828.199)	-	-	(63.828.199)
Điều chỉnh khác	-	-	3.688.211.187	3.688.211.187
Tại ngày 31/12/2021	1.337.065.094	167.000.000	3.688.211.187	5.192.276.281



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	9.398.529.685	(1.409.599.645)	17.050.722.077	(720.540.690)
Công cụ, dụng cụ	840.016.070	-	1.833.246.904	(526.198.500)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	138.764.753	-	-	-
Cộng	10.377.310.508	(1.409.599.645)	18.883.968.981	(1.246.739.190)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số đầu năm	1.246.739.190	1.306.926.790
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	163.809.156	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(948.701)	(60.187.600)
Số cuối năm	1.409.599.645	1.246.739.190

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2021	737.591.000	1.506.826.842	2.244.417.842
Mua trong năm	-	100.000.000	100.000.000
Thanh lý trong năm	-	(340.826.842)	(340.826.842)
Tại ngày 31/12/2021	737.591.000	1.266.000.000	2.003.591.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2021	165.070.111	518.322.183	683.392.294
Khấu hao trong năm	14.751.820	121.257.534	136.009.354
Thanh lý trong năm	-	(340.826.842)	(340.826.842)
Tại ngày 31/12/2021	179.821.931	298.752.875	478.574.806
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	572.520.889	988.504.659	1.561.025.548
Tại ngày 31/12/2021	557.769.069	967.247.125	1.525.016.194

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự án xây dựng trạm cấp thoát nước tại xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt (i)	5.445.587.900	504.445.513
Các dự án khác	2.507.172.620	2.058.947.552
Cộng	7.952.760.520	2.563.393.065

(i) Đây là dự án đầu tư xây dựng trạm cấp thoát nước tại xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt với tổng mức đầu tư dự kiến là 14,94 tỷ đồng. Mục đích của dự án để sản xuất, cung cấp nước sinh hoạt phục vụ người dân trên địa bàn xã với tổng công suất cấp nước 2.000m³/ ngày đêm. Dự án đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt đầu tư tại Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28 tháng 4 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

10. Các khoản đầu tư tài chính
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	278.844.000.000	278.844.000.000	561.667.893.764	561.667.893.764
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	265.000.000.000	265.000.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
Tổng cộng	543.844.000.000	543.844.000.000	565.167.893.764	565.167.893.764

Theo nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty, tiền thu được từ bán cổ phần được giữ lại để đầu tư phát triển Công ty. Hiện nay, toàn bộ số tiền này đang được gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng và việc này tiếp tục được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHCHĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019. Các khoản tiền gửi hiện đang hưởng mức lãi suất trong năm dao động từ 6,30% đến 7,15%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

10. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2021				01/01/2021			
	Cổ phiếu năm giữ	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Cổ phiếu năm giữ	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	554.365	5.658.526.204	-	(i)	554.365	5.658.526.204	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	433.350	5.466.726.034	-	(i)	433.350	5.466.726.034	-	(i)
Cộng		11.125.252.238	-	(i)		11.125.252.238	-	(i)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh bao gồm 28.628 cổ phiếu nhận được do Công ty liên kết này chia cổ tức trong năm 2020, tương đương với tổng mệnh giá 286.280.000 đồng. Theo quy định của chế độ kế toán hiện hành, Công ty không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu tài chính khi nhận cổ phiếu mà chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu được nhận trên thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết chưa được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Giá trị tăng thêm do đánh giá lại hệ thống ống nhánh (i)	12.336.220.153	14.235.300.860
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.242.857.893	3.813.689.437
Chi phí lắp đặt đồng hồ nước và ống nhánh	2.247.563.337	5.233.954.073
Lợi thế thương mại khi cổ phần hóa	-	204.292.348
Cộng	17.826.641.383	23.487.236.718

(i) Đây là giá trị tăng thêm do đánh giá lại hệ thống đường ống nhánh theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Công ty thực hiện phân bổ trong vòng 10 năm. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã phân bổ chi phí sản xuất kinh doanh được 3,5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

12. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	7.435.921.049	-
	Dự phòng VND	Dự phòng VND

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	Giá trị VND	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	9.818.676.899	7.661.436.732
Liên danh nhà thầu Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng và Công ty Cổ phần Thủy lợi 1 Nghệ An	305.306.956	3.890.220.726
Các nhà cung cấp khác	2.694.783.593	2.810.896.383
Cộng	12.818.767.448	14.362.553.841
	Số có khả năng thanh toán VND	Số có khả năng thanh toán VND

Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia
Liên danh nhà thầu Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng và Công ty Cổ phần Thủy lợi 1 Nghệ An
Các nhà cung cấp khác
Cộng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Khách hàng lắp đặt đường ống nhánh	248.558.158	283.631.002
Các khách hàng khác	959.107.478	356.205.977
Cộng	1.207.665.636	639.836.979

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2021 VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	129.294.758	605.670.950	476.376.192	-
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	189.788.535	6.479.966.670	6.360.531.156	309.224.049
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.880.705.544	8.769.676.307	9.805.745.544	1.844.636.307
Thuế thu nhập cá nhân	-	373.037.876	-	373.037.876
Phí bảo vệ môi trường	1.402.108.952	15.986.889.496	16.165.339.807	1.223.658.641
Thuế tài nguyên	86.372.821	931.810.363	943.857.655	74.325.529
Tiền thuế đất	-	455.165.841	455.165.841	-
Các khoản phải nộp khác	-	19.726.220	15.000.000	4.726.220
Cộng	4.558.975.852	33.016.272.773	33.745.640.003	3.829.608.622

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.963.602.023	2.103.164.255
Chi phí hỗ trợ nhân viên thu phí bảo vệ môi trường	985.032.421	892.212.731
Các khoản chi phí phải trả khác	1.000.000	59.103.000
Cộng	2.949.634.444	3.054.479.986

17. Phải trả khác	31/12/2021	01/01/2021
	VND	(Trình bày lại) VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả về cổ phần hóa	817.283.299	817.283.299
Cổ tức phải trả	-	68.146.920
Các khoản phải trả khác	554.133.773	492.248.058
	1.371.417.072	1.377.678.277
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	490.687.935	513.152.274
Tổng cộng phải trả khác	1.862.105.007	1.890.830.551

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Phát sinh trong năm	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	Tăng	Giảm
a. Ngắn hạn				
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	22.793.678.241	22.793.678.241	-	22.793.678.242
b. Dài hạn				
Vay tài trợ dự án cấp nước thành phố Đà Lạt (i)	201.980.138.712	201.980.138.712	-	219.265.510.196
Vay tài trợ tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng (ii)	50.675.918.344	50.675.918.344	-	56.637.918.344
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(22.793.678.241)	(22.793.678.241)	-	(22.793.678.242)
	229.862.378.815	229.862.378.815	-	253.109.750.298
Tổng cộng khoản vay	252.656.057.056	252.656.057.056	-	275.903.428.540

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

(i) Khoản vay tài trợ dự án cấp nước thành phố Đà Lạt:

Khoản vay được thực hiện theo hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Lâm Đồng (nay là Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng) ngày 28 tháng 12 năm 2011 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4948-VN của Hiệp hội Phát triển Quốc tế IDA. Mục đích là để tài trợ vốn để đầu tư xây dựng nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt thuộc dự án cấp nước và nước thải đô thị. Hạn mức khoản vay tối đa 13.184.521 Đô la Mỹ, tương đương 274.422.627.526 đồng tại thời điểm phê duyệt. Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi vay áp dụng trong suốt thời gian vay là 6,75%/năm, cộng thêm phí 0,2%/năm cho số dư nợ vay tùy từng thời điểm. Tài sản đảm bảo và thế chấp cho khoản vay này bao gồm nhà văn phòng điều hành tại 50 Hùng Vương, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; trạm bơm tăng áp Hùng Vương, 6 bể chứa (Mộng Mơ, Thái Phiên, Resimair, Măng Lìn, Cao Thắng, Vạn Thành) và hệ thống tuyến ống chuyên tải, phân phối, dịch vụ và thiết bị đầu nối hộ gia đình của dự án nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước và nước thải đô thị thành phố Đà Lạt.

(ii) Khoản vay tài trợ tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng:

Khoản vay được thực hiện theo hiệp định vay lại giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty ngày 16 tháng 12 năm 2009 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4028-VN của Hiệp hội phát triển quốc tế IDA. Mục đích là để tài trợ vốn cho tiểu Dự án cấp nước sinh hoạt cho 6 thị trấn thuộc địa phận tỉnh Lâm Đồng, bao gồm: Thị trấn Tân Hà, huyện Lâm Hà; Thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà; Thị trấn Madaguôi, huyện Đa Huoai; Thị trấn Đambri, huyện Đa Huoai; Thị trấn Đ'ran, huyện Đơn Dương; Thị trấn Bằng Lãng, huyện Đam Rông trong khuôn khổ Dự án Phát triển Cấp nước Đô thị Việt Nam. Hạn mức khoản vay tối đa 137,96 tỷ đồng. Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất vay áp dụng trong suốt thời gian vay là 3%/năm. Tài sản thế chấp cho khoản vay này bao gồm máy móc thiết bị, tuyến ống, đường nội bộ, các công trình phụ trợ và bể nước; nhà hành chính, nhà kho, nhà hóa chất, công trình thu nước (công trình thu, trạm bơm nước thô), trạm bơm tăng áp của 6 nhà máy cấp nước (Tân Hà, Nam Ban, Madaguôi, Đambri, Đ'ran, Bằng Lãng) thuộc dự án phát triển cấp nước đô thị Việt Nam.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Trong vòng một năm	22.793.678.241	22.793.678.242
Trong năm thứ hai	22.793.678.241	22.793.678.241
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	68.381.034.723	68.381.034.723
Sau năm năm	138.687.665.851	161.935.037.334
	252.656.057.056	275.903.428.540
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(22.793.678.241)	(22.793.678.242)
Số phải trả sau 12 tháng	229.862.378.815	253.109.750.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	7.865.960.161	-
Trích lập quỹ trong năm	11.605.598.677	10.594.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	(15.083.064.499)	(2.728.039.839)
Số dư cuối năm	4.388.494.339	7.865.960.161

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng	
Tại ngày 01/01/2020	788.000.000.000	28.512.122.705	543.607.360	1.769.214.231	34.999.339.794	11.330.524.372	865.154.808.462	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	38.649.998.425	-	38.649.998.425	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(19.108.339.794)	-	(19.108.339.794)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(10.594.000.000)	-	(10.594.000.000)	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	5.297.000.000	(5.297.000.000)	-	-	
Tại ngày 31/12/2020	788.000.000.000	28.512.122.705	543.607.360	7.066.214.231	38.649.998.425	11.330.524.372	874.102.467.093	
Tại ngày 01/01/2021	788.000.000.000	28.512.122.705	543.607.360	7.066.214.231	38.649.998.425	11.330.524.372	874.102.467.093	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	34.458.390.737	-	34.458.390.737	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20.330.400.000)	-	(20.330.400.000)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(11.605.598.677)	-	(11.605.598.677)	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	5.797.499.764	(5.797.499.764)	-	-	
Thù lao và thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(916.499.984)	-	(916.499.984)	
Đầu tư tài sản từ quỹ đầu tư phát triển	-	657.330.070	-	(657.330.070)	-	-	-	
Tại ngày 31/12/2021	788.000.000.000	28.512.122.705	1.200.937.430	12.206.383.925	34.458.390.737	11.330.524.372	875.708.359.169	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Tại ngày 31/12/2021 và 01/01/2021		
	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước Bà Trương Thị Mỹ An	31.512.924	39,99%	315.129.240.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh	13.975.893	17,74%	139.758.930.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	12.502.601	15,87%	125.026.010.000
Công ty Cổ phần Golden Stream	10.735.182	13,62%	107.351.820.000
Công ty Cổ phần Golden Stream	9.000.000	11,42%	90.000.000.000
Các cổ đông khác	1.073.400	1,36%	10.734.000.000
Cộng	78.800.000	100,00%	788.000.000.000

c) Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	78.800.000	78.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	78.800.000	78.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	78.800.000	78.800.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

d) Cổ tức

Theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28 tháng 4 năm 2021, cổ tức năm 2020 đã được phê duyệt với tỷ lệ là 2,58%, tương ứng 258 đồng/cổ phiếu đang lưu hành.

Cổ tức năm 2021 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ là 2,77%, tương ứng 277 đồng/cổ phiếu đang lưu hành. Mức chi trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên của năm tiếp theo.

21. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Như đã trình bày tại thuyết minh số V.7, toàn bộ nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định là nguồn vốn ngân sách Nhà nước để đầu tư xây dựng tài sản cố định tại Xí nghiệp quản lý nước thải với nguyên giá là 503.167.931.881 đồng, chi tiết biến động trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Giá trị còn lại đầu năm	319.280.595.323	342.082.651.695
Khấu hao trong năm	(22.735.988.548)	(22.802.056.372)
Điều chỉnh khác	(1.209.918.828)	-
Giá trị còn lại cuối năm	295.334.687.947	319.280.595.323

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 134/HD-TD thửa đất tại 50 Hùng Vương, thành phố Đà Lạt để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất kinh doanh. Thời hạn thuê đất là 50 năm kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2014. Tổng diện tích khu đất thuê là 1.671,91 m².

Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Đơn giá tính tiền thuê đất sẽ được xác định và điều chỉnh lại theo từng thời kỳ dựa theo các quy định của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021 Ngoại tệ	01/01/2021 Ngoại tệ
Tiền Đôla Mỹ (USD)	67,5	67,5

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công nợ tiền nước từ trước năm 1999	23.958.182	23.958.182
Các khoản phải thu khác	13.578.000	13.578.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2021 VND	2020 VND
Doanh thu kinh doanh nước sạch	208.323.443.444	220.469.227.351
Doanh thu xử lý nước thải	14.466.588.000	16.324.568.127
Doanh thu xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	9.079.964.354	13.716.541.090
Doanh thu khác	2.032.465.142	710.447.829
Cộng	233.902.460.940	251.220.784.397

2. Giá vốn hàng bán

	2021 VND	2020 VND
Giá vốn kinh doanh nước sạch	175.511.810.412	181.124.821.390
Giá vốn xử lý nước thải	12.172.536.018	12.880.893.394
Giá vốn xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	7.314.448.451	9.836.637.199
Giá vốn khác	1.331.707.753	402.817.609
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	162.860.455	(60.187.600)
Cộng	196.493.363.089	204.184.981.992

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi	40.189.724.160	43.233.715.438
Cổ tức được chia	1.156.318.656	-
Cộng	41.346.042.816	43.233.715.438

Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan:

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	780.030.000	-
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	376.288.656	-
Cộng	1.156.318.656	-

4. Chi phí tài chính

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	16.651.101.221	18.018.623.769

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng	2021 VND	2020 VND
Chi phí duy trì đầu nổi	5.149.422.344	5.401.265.215
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	49.734.546	64.745.454
Cộng	5.199.156.890	5.466.010.669
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.810.064.039	4.745.672.574
Chi phí đồ dùng văn phòng	893.481.826	1.384.819.771
Chi phí khấu hao tài sản cố định	272.517.067	257.150.757
Thuế, phí và lệ phí	289.083.409	15.000.000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	248.723.137	170.731.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	6.114.721.744	8.795.986.318
Cộng	12.628.591.222	15.369.360.695
7. Thu nhập khác	2021 VND	2020 VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.460.902.952
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại	-	878.893.157
Thu nhập khác từ xử lý kiểm kê	182.582	730.787.187
Các khoản thu nhập khác	337.429.948	535.949.189
Cộng	337.612.530	3.606.532.485
8. Chi phí khác	2021 VND	2020 VND
Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng	1.107.714.758	-
Chi phí Ban quản lý dự án không có khả năng thu hồi	-	3.688.211.187
Chi phí hỗ trợ nhân viên thu phí bảo vệ môi trường	-	892.212.731
Các khoản chi phí khác	278.122.062	898.784.792
Cộng	1.385.836.820	5.479.208.710

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	43.228.067.044	49.542.846.485
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Chi phí không được trừ	1.610.575.617	4.921.393.814
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.534.239.606)	-
Thu nhập chịu thuế	43.304.403.055	54.464.240.299
Thu nhập tính thuế	43.304.403.055	54.464.240.299
Hoàn nhập quỹ khoa học và công nghệ	377.920.950	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.736.464.801	10.892.848.060
Thuế thu nhập doanh nghiệp điều chỉnh năm trước	33.211.506	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.769.676.307	10.892.848.060
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.361.084.857	83.687.298.960
Chi phí nhân công	56.041.662.633	58.397.784.898
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.072.918.915	40.183.390.910
Chi phí duy trì đầu nổi	5.149.422.344	5.401.265.215
Chi phí dự phòng	411.583.592	170.731.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	30.284.438.860	37.240.069.698
Cộng	214.321.111.201	225.080.540.956
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2021 VND	2020 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.458.390.737	38.649.998.425
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao, khen thưởng ban điều hành	(8.259.383.849)	(12.522.098.661)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.199.006.888	26.127.899.764
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	78.800.000	78.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	332	332

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm so sánh nhằm phản ánh ảnh hưởng của quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 28 tháng 4 năm 2021.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu năm nay cũng đã được điều chỉnh giảm để phản ánh khoản tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến. Mức trích lập sẽ được thông qua tại kỳ Đại hội Cổ đông thường niên tiếp theo.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hùng Cường